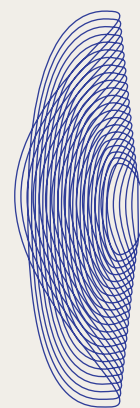
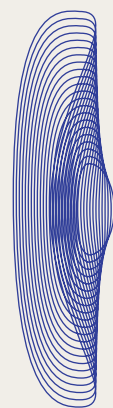
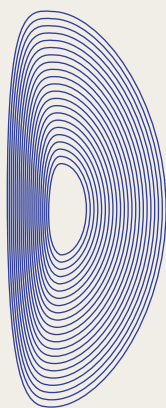
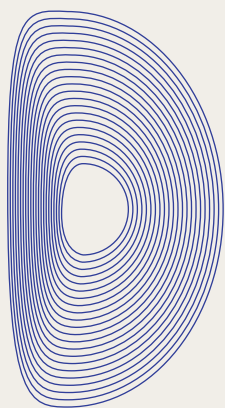
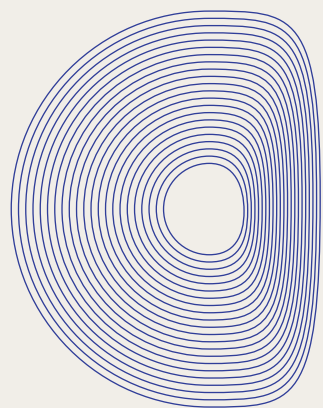




"Hồi Sông"
A research and sound installation project



Nghệ sĩ
Nguyễn Nhung
Zach Sch

Hồi sóng - Một dự án nghiên cứu và sắp đặt âm thanh

Ý tưởng và thiết kế âm thanh của:

Nguyễn Nhung
Zach Sch

Lời dẫn được viết bởi:

Đỗ Hương
Nguyễn Nhung
Zach Sch

Giọng đọc của:

Anh Phi Trần
Phạm Văn Cường
Rami Abadir
Thế Vũ

Tư liệu lưu trữ và phỏng vấn từ:

Đạo diễn Nguyễn Sỹ Bằng
Đạo diễn Lam Lê
Trường Đại học Humboldt Berlin

Gỡ băng tư liệu:

Bruno Bosc
Nguyễn Đình Hưng
Bùi Thu Uyên

Biên dịch:

Anh Phi Trần
Nguyễn Diệp Thùy Anh
Bruno Bosc
Nguyễn Quỳnh Chi
Nguyễn Đình Hưng
Hoàng Đạo Hiếu
Rami Abadir
Hoàng Thùy
Lê Trang

Các văn bản dịch được hiệu đính bởi:

Hồ Trâm Anh
Kương Lê
Nguyễn Phương Thảo
Vương Thị Thu

Thiết kế:

Nguyễn Phương Anh
Ngô Thùy Linh

Xây dựng website:

Mai Minh Đạt
Trịnh Quang Linh

Dự án này được hỗ trợ bởi:

Nguyễn Thiện Đạo
Foundation



Sàn ART



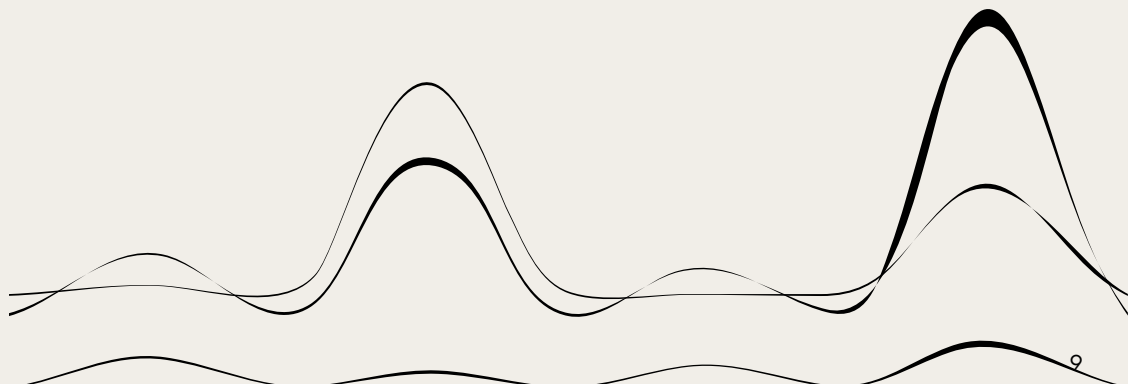
Lời cảm ơn đặc biệt đến các bạn bè đã hỗ trợ cho chúng tôi trong quá trình nghiên cứu và thực hiện tác phẩm:

Nguyễn Khiếu Anh
Jonathan Mayers
Mai Phương

Văn bản giám tuyển

*Văn bản giám tuyển viết bởi Mary Lou David
(bằng tiếng Anh)
Vicky Đỗ biên dịch, Khương Lê hiệu đính.*

*Tuyên bố: Văn bản này được chuyển soạn riêng như một phản hồi với tác phẩm sắp đặt và trưng bày sẽ tổ chức tại không gian Sàn Art ở TP.HCM, Việt Nam.



Từ cuối thế kỷ 19 trở đi, các phát minh không ngừng ra đời về công nghệ truyền âm như điện thoại, máy quay đĩa và máy hát đã vĩnh viễn thay đổi các trải nghiệm âm thanh của con người chúng ta.

Âm thanh từ một thế giới phù du và trừu tượng trở thành một cái gì đó có thể đóng gói được trong đĩa hát, một sản phẩm suu tầm có thể được tách ra từ bối cảnh ban đầu rồi được lặp lại hoặc tái tạo vô thời hạn tại một thời gian và không gian khác. Âm thanh, vốn bị giam cầm quá lâu trong thế giới của các văn bản chú thích, bản ghi chép và diễn giải, cuối cùng cũng đã có thể tự phát biểu với một tư thế khách quan và hữu hình nhất.¹ Những sáng tạo này đã dẫn đến việc thành lập các Kho chuyên lưu trữ âm thanh trước tiên tại Berlin và Vienna, sau đó chúng phát triển thành một mạng lưới khổng lồ ở Châu Âu thu hút nhiều ngành học thuật khác nhau.² Tuy nhiên trong khuôn khổ dự án thu âm tương đối rộng lớn này, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới một phần hẹp của lịch sử: việc sử dụng bản thu của các tù binh, bị bắt từ tiền tuyến trong Thế chiến thứ nhất, như một số tài liệu nghiên cứu ban đầu.³

1 *Nghiên cứu của Britta Lange về Kho lưu trữ Âm thanh Trường Đại học Humboldt cung cấp không chỉ các khảo sát toàn diện về lịch sử của chúng mà còn rất nhiều các hiểu biết sâu sắc về các tư liệu lưu trữ và các bản thu âm nói chung. B. Lange, "Lưu trữ, Bộ sưu tập, Bảo tàng: Về lịch sử của Việc lưu trữ Tiếng nói tại Phòng lưu trữ Âm thanh tại Đại học Humboldt", dịch bởi B. Carter, Tạp chí Nghiên cứu âm thanh, <https://www.researchcatalogue.net/view/326465/326466>, [truy cập vào 03/09/21].*

2 *Các hứng thú về việc thu âm vượt qua cả âm nhạc và ngôn ngữ học, và mở rộng tới các lĩnh vực học thuật khác như hoá học, sinh học, được phẩm, giải phẫu học, sinh lý học, tâm lý học, âm học, nhân chủng học và dân tộc học. Nguồn: sdd.*

3 *Bộ Văn hóa và Giáo dục Nhà nước Phổ đã phê duyệt "ý tưởng sử dụng thời gian không tự nguyện của các tù binh chiến tranh bị giam giữ ở Đức để ghi âm bài nói" như một phần của kế hoạch bảo tồn lịch sử nhằm ghi lại càng nhiều ngôn ngữ, phương ngữ và bài hát càng tốt. Năm 1915-1918, các nhà nghiên cứu đã đến thăm tổng cộng 31 trại tù binh chiến tranh (POW) của Đức, thu được 1.651 bản ghi âm máy hát có ghi âm giọng nói, âm nhạc và nhạc cụ, và 1.022 đĩa hát làm từ sáp. Nguồn: sdd.*

Khai triển một kho lưu trữ giống như một cuộc đánh cược niềm tin, phần vì người ta chưa thấy rõ tính hữu ích hoặc mục đích của nó trong tương lai. Những gì được khởi đầu vào năm 1909 như một cuộc khảo sát bách khoa về ngôn ngữ và âm nhạc học đã trở thành một trong những nguồn cụ thể biện hộ cho sự hiện diện của lính tòng quân thuộc địa, hay cách gọi "lính tập" trong nghiên cứu, chỉ những người bị quân đội Pháp cưỡng chế hoặc gạt rời khỏi gia đình, để tham gia vào một cuộc chiến tranh không liên quan đến họ.⁴ Trong khi sự hiện diện quan trọng của họ - vốn đã bị lãng quên từ lâu - đang dần được các nước

4. *Ban đầu, phương pháp tuyển mộ thuộc địa của Pháp được thành lập trên cơ sở tự nguyện trước khi chuyển sang bắt buộc nhập ngũ hoặc cưỡng chế với lý do yêu nước, những lợi dụ dỗ, tuyên bố sai lầm về một sự thịnh vượng, v.v. Những chiến thuật như vậy không chỉ được sử dụng cho lính tập (tirailleurs), mà còn cho những lính thợ (nhân công) được cử đến làm việc trong các nhà máy sản xuất đạn dược, thuốc súng và phụ kiện hàng không. Các nguồn bao gồm: G. C. Gunn, "Chết cho nước Pháp": Sự cưỡng chế và đồng lựa chọn của Công nhân Đông Dương "trong Thế chiến thứ nhất", Nhà khoa học xã hội, Vol. 42, Số 78, 2014 trang 63-84; C. Koller, Việc tuyển quân thuộc địa ở Châu Phi và Châu Á và việc triển khai của họ ở Châu u trong Thế chiến Thứ nhất, Người nhập cư & Người thiếu số, Vol. 26, số 1/2, 2008, trang 111-133; D. Maghraoui, "Cuộc "thành chiến vĩ đại": Đội quân và công nhân thuộc địa người Morocco trong Thế chiến Thứ nhất, Tạp chí Nghiên cứu Bắc Phi, Vol. 9, Số.1, 2004, tr.1-21; trích đoạn phim tài liệu Công Binh, đêm dài Đông Dương, đạo diễn Lam Lê, 2013.*

phương Tây xem xét lại như một phần của lịch sử tập thể, còn nhiều lỗ hổng trong hồ lớn chiến tranh vẫn chưa được lấp đầy.⁵ Một loạt các từ ngữ, con số, lời cầu nguyện, nhạc tụng, ưu tú về quê hương, hay kinh nghiệm từ mặt trận được ghi chép lại từ các công nhân nhà máy hoặc lính bộ binh đến từ Việt Nam, Campuchia, Mali, Algeria, Tunisia, Morocco, Guadeloupe, Martinique, v.v.. Hiện vẫn thuộc Kho lưu trữ âm thanh Đại học Humboldt, Berlin, các bản ghi âm nói trên đã trải qua một quá trình số hóa vào giữa thập niên 90, giúp mở ra một kho tàng lịch sử bị xóa bỏ để công chúng được tiếp cận. Đây là khởi nguồn giúp dự án Hồi Sóng xuất hiện, là xuất điểm xuất phát, từ đó mở rộng ra các thành phần lưu trữ khác, tất cả đều được hai nhà soạn nhạc và nghệ sĩ âm thanh thử nghiệm Nguyễn Nhung và Zach Schreier lựa chọn và biên tập một cách thấu đáo.

5. Các tài liệu được gọi là 'Journal des Marches et des Opérations' (nhật ký quân đội) cung cấp thông tin chi tiết về hành trình ra nước ngoài của những người lính nghĩa vụ đến Pháp, quá trình lao động và triển khai tiền tuyến của họ ở Pháp, dõi theo các tiểu đoàn từ khi họ khởi hành đến khi tan rã. Tuy nhiên, những nguồn này vẫn chưa đầy đủ về thành phần, chi tiết và số liệu, bao gồm cả tỷ lệ thương vong. Nguồn: Gunn, 'Chết cho nước Pháp', tr.63-4. Nhưng ví dụ rõ ràng nhất là số lượng lính nghĩa vụ thuộc địa được ước tính rất khác nhau từ nguồn này sang nguồn khác. Ví dụ, một tìm kiếm cơ bản của Google cho thấy 97.216 lính nghĩa vụ Đông Dương trong Thế chiến thứ nhất. Cơ sở dữ liệu của Thư viện Anh ước tính 500.000 lính thuộc địa, bao gồm 50.000 lính nghĩa vụ Đông Dương, trong khi bài luận của Koller đề cập đến 49.000 người khác từ Đông Dương chỉ để làm việc trong nhà máy. Tất cả những con số này đều bị ảnh hưởng bởi cái gọi là "sương mù của chiến tranh" nhưng dù sao cũng nhấn mạnh bản chất thấp kém của lính nghĩa vụ, được coi là hiển nhiên, trong mắt các đế quốc thực dân.

Được hiểu tạm là “sự trở về” và “điều chỉnh” sóng âm, Hồi Sóng nhằm mục đích hồi sinh và kích hoạt lại bộ sưu tập các bản ghi âm này thông qua một sắp đặt âm thanh mà khán giả có thể tương tác.

6. thực hành cắt ghép (nd)

Nhìn chung, dự án sở hữu ba thành tố ý niệm - trải nghiệm thính giác, sự tái hình dung từ kho lưu trữ và sự tham gia của khán giả - và ba yếu tố cụ thể - một sắp đặt dựa trên radio cổ điển, các sáng tác thử nghiệm và sách tư liệu cạnh bên. Mở ra cho công chúng tương tác, tác phẩm này vừa kích hoạt những câu chuyện đồng thời kết nối mọi người với một phần lịch sử và di sản bị lãng quên. Các kênh radio, được tạo ra dưới dạng một collage⁶ âm thanh, kết hợp các bản ghi âm gốc của những người lính bị bắt và lời hồi tưởng của các lính thợ Đông Dương từ Thế chiến I và II, được hai nghệ sĩ tường thuật và soạn nhạc theo kịch bản. Mặc dù ban đầu chúng chỉ là các công cụ để khuyến khích tham gia hay đóng vai trò một kênh để lưu chuyển các tự sự âm thanh, radio ở đây được sử dụng như một phương pháp. Mỗi kênh có nhiệm vụ bắt chước và mã hoá trải nghiệm điều chỉnh các đường truyền radio trong và ngoài. Chúng có thể gây cảm giác thôi miên, êm dịu, nhàm chán, gây rối – người nghe có thể quyết định ở lại và trôi giạt đi, biến đổi rồi quay trở lại, hoặc hai máy có thể được sử dụng cùng một lúc và tương tác với nhau theo vô số khả năng.

Trong lĩnh vực nghệ thuật, âm thanh thường xuất hiện như một phương tiện gây sợ hãi đối với khán giả chủ yếu do việc không thể tìm lại và gói gọn lịch sử và định nghĩa của nó so với các trào lưu nghệ thuật truyền thống. Các giám tuyển đã nhằm lẫn khi cố gắng cố định âm thanh trong một phả hệ tuyến tính trong khi trên thực tế, nguồn gốc của âm thanh đến từ rất nhiều nơi, liên tục được giới thiệu qua một loạt các thực hành avant-garde từ những năm 1910 trở đi.⁷

Lằn ranh mỏng manh giữa các tác phẩm sắp đặt, trình diễn thử nghiệm hoặc âm nhạc điện tử đã làm phức tạp thêm mối quan hệ của chúng ta với âm thanh. Điều này đặc biệt phù hợp trong bối cảnh của Việt Nam và Đông Nam Á, nơi việc thiếu các tư liệu và sự phát triển chậm hơn của phương tiện này đã đẩy các thực hành đa dạng dưới trướng một thuật ngữ mông lung.⁸ Cùng sự gia tăng mạnh mẽ của các cuộc triển lãm lấy âm thanh làm trung tâm kể từ những năm 1980, điều đáng chú ý nhất ngày nay là việc đưa các tác phẩm này vào các triển lãm nhóm với chủ đề trọng tâm hoàn toàn khác, minh họa cho sự thể chế hóa, tính liên quan và tính hiển mặt của nó trong nghệ thuật đương

đại.⁹ Cũng giống như bất kỳ phương tiện thị giác nào, âm thanh có khả năng trở thành kênh cung cấp thông tin, kích hoạt cho trải nghiệm thẩm mỹ cũng như chính trị, điều mà Hội Sóng mong muốn làm nổi bật.

7. Một số ví dụ bao gồm các kỹ thuật của chủ nghĩa tự động và các collage liên quan đến Chủ nghĩa siêu thực như được thấy trong các sáng tác của Erik Satie hoặc Kurt Schwitters, sự ngẫu hứng và cơ giới hóa được phát triển bởi các nhà soạn nhạc theo trường phái Futurist như Luigi Russolo, Dada's Cabaret Voltaire và Nhạc kịch Erratum cấp tiến của Marcel Duchamp vào những năm 1910, Những bản collage âm thanh của Pierre Schaeffer và phần đầu của Musique Concrète (Trường phái âm nhạc cụ thể) vào những năm 1940, thành phần chính của bản 4'33 của John Cage vào những năm 1950, và phong trào diễn biến quốc tế của nhóm Fluxus từ những năm 1960 trở đi. Xem: M. Mullane, 'Nghe thẩm mỹ: nghệ thuật âm thanh', Jacques Rancière và chính trị của việc lắng nghe', Tạp chí Mỹ thuật & Văn hoá, Vol. 2, số 1, 2010, tr. 1-12; A. Licht, 'Nghệ thuật âm thanh: Nguồn gốc, sự phát triển và sự mơ hồ', âm thanh có tổ chức, Tập. 14, Số 1, 2009, Trang 3-10.

8. Fermont và della Faille đã thực hiện một cuộc khảo sát xuất sắc về sự phát triển của các phương pháp thực hành âm thanh thử nghiệm ở châu Á, kể lại lịch sử của nó ở Nhật Bản, nêu bật những "ngoại lệ" của các nghệ sĩ trong khu vực và quan sát nghệ thuật âm thanh liên quan đến Chiến tranh Lạnh, những thay đổi chính trị và văn hóa toàn cầu vì sự hợp tác xuyên quốc gia bắt đầu hình thành từ những năm 1980 trở đi. Nguồn: C. Fermont và D. della Faille, 'Nghệ thuật âm thanh ở Đông và Đông Nam Á. Những cân nhắc về lịch sử và chính trị', Cẩm nang về nghệ thuật âm thanh của The Bloomsbury, (London và New York: Bloomsbury Academic, 2020), tr. 175-183.

9. Cluett thảo luận về ba "nhịp độ" của việc giám tuyển âm thanh: sự hợp thời của nó trong các triển lãm hồi tưởng lớn, âm thanh như một phương tiện đột phá để truyền tải thông tin và cuối cùng là việc đưa nó vào các triển lãm nhóm nơi âm thanh không phải là điểm nhấn. Nguồn: S. Cluett, 'Chương 7: Phù du, Chim đốm, Xám lán: m thanh như Chủ đề Giám tuyển, 1966-2013', Bảo tàng Đa giác quan: Quan điểm liên ngành về xúc giác, âm thanh, khứu giác, trí nhớ và không gian, (Lanham và Plymouth : Rowman & Littlefield, 2014), tr. 117.

Việc ẩn dụ tới các bức collage đặc biệt thích hợp với dự án này. Phân mảnh ý niệm và có nhiều tầng lớp, nó trộn lẫn các thành tố chiết trung đồng thời kết hợp nghệ thuật với các yếu tố đời thường. Tương tự, các nghệ sĩ đã chọn lọc và trích xuất một loạt những tài liệu gốc và tái hình dung các trích đoạn này bằng cách đặt thiết kế âm thanh riêng của họ lên trên, từ đó định hình phản ứng trực khởi của chúng ta đối với câu chuyện được kể. Hơn nữa, mỗi kênh phát sóng cố tình được dựng với quãng thời gian khác nhau, phá vỡ mọi khả năng tuyến tính và đặt người nghe trong trạng thái khó chịu, có khi làm họ muốn chuyển đổi kênh. Ngay cả khi có hai người cùng bắt sóng một lúc, các mẫu âm thanh sẽ phát chồng lên nhau tạo ra một trải nghiệm

độc đáo. Một từ bình thuật lại một câu chuyện ngụ ngôn Creole nổi tiếng, lặp đi lặp lại một cách trớ trêu về niềm vui mà tiếng mẹ đẻ của ông đã đem đến cho những vùng đất xa xôi, “Cho đến hôm nay, cuộc sống của tôi vẫn êm đềm.”¹⁰ Ở chỗ khác, một danh sách các con số được máy móc đọc lại bằng phương ngữ Zarma. Truyện thơ Nôm Phan Trần được một từ bình khác xướng lên. Một người khác kể lại vụ một người lính thợ tình cờ bị cắt cổ khi đang cố thở giữa một hầm tàu toàn những công nhân từ Đông Dương bị bắt đến Pháp. Đoạn trích sau đó được ghép nối với giọng nói xen kẽ của bốn người dẫn chuyện, hoặc sáng tác nhạc hay bản thiết kế âm thanh được các nghệ sĩ chăm chút cẩn thận, từ cao độ trớ trêu đến tiếng bíp đặc trưng của sóng radio.¹¹

10. Mặc dù tờ khai từ bình ban đầu được ghi là “một truyện ngụ ngôn Créole”, bản chất thực sự và nguồn gốc của văn bản này vẫn chưa chắc chắn, có lẽ là thơ hoặc một văn bản cá nhân. Phiên âm và bản dịch cho hồ sơ này (PK 747_2) được cung cấp trong phần tiếp theo của tập sách này.

11. Bao gồm ba kịch bản - được viết bằng tiếng Việt, tiếng Ả Rập và tiếng Pháp - do hai nghệ sĩ và tác giả Đỗ Hương viết.

Một người nghe có thể nhận ra một số nội dung, trong khi người khác có thể có phản ứng đối với các nội dung khác. Bất cứ khoảng trống kiến thức lơ lửng nào cũng đều bị ràng buộc bởi âm thanh, yếu tố cốt lõi của dự án. Việc sử dụng âm thanh như một collage làm nổi bật sự đối lập giữa những thế giới nhưng nó cũng có sức mạnh để tạo ra nhiều kết nối mới, giàu trí tưởng tượng.¹² Những bản thu bị nhiễu từ quãng 1915-1918 gợi ra những giọng nói ma quái từ một cõi nào đó vọng về, đang cố tiếp cận ta, nhưng đồng thời chúng cũng được trao cho một sự hiện diện mới, được

tái kích hoạt thông qua các tác phẩm âm thanh của các nghệ sĩ mà ở đây đóng vai trò trụ cột cho các giọng nói vắt vẻo này. Bằng cách tô đậm các ngắt mạch và đối lập, bằng cách hướng dẫn khán giả vào một trải nghiệm thưởng thức gián đoạn, những cảm xúc mới được phép xuất hiện: một ý thức về dòng giống và sự thấu hiểu, một cầu nối giữa lịch sử chung và các tiểu tự sự, sự tưởng nhớ mang tầm dân tộc và các giai thoại gia đình, giá trị phổ quát và đặc biệt trở thành buồm vang của sử liệu.¹³

12. J. Rancière, ‘Những vấn đề và sự biến đổi trong nghệ thuật phê bình’, trong *Thăm mý khắt khe (Malaise dans l'esthétique)*, (Paris: Éditions Galilée, 2004), trang 65-84. Biên tập và dịch bởi C. Bishop trong *Sự tham gia (London và Cambridge: Whitechapel và MIT Press, 2006)*, tr. 83.

13. Phần lớn những suy nghĩ này được truyền cảm hứng từ những lời của Mullane, tr.9; J. Rancière, *Tính chính trị của Thăm mý*, (New York: Continuum International, 2006), tr.91; G. Whitehead, ‘Không có chỗ cho Radio chạy: Cuộc nói chuyện giữa Jérôme Noetinger và Gregory Whitehead’, *âm thanh thử nghiệm & Radio*, (Cambridge: MIT, 2001), tr.89.

Một trong các lý do dự án dựa nhiều vào tư liệu diễn giải là nhằm hướng dẫn người xem nhận biết được bối cảnh đằng sau các đoạn trích. Những dẫn đoạn lấy từ bộ phim tài liệu Công Binh,

Đêm dài Đông Dương được hậu thế ghi lại, gần bảy mươi năm sau khi Thế chiến thứ Hai kết thúc.¹⁴ Các bản thu âm của Humboldt, mặc dù được tạo thành ngay trong thời điểm xung đột, nhưng vẫn bị ảnh hưởng nặng nề bởi hoàn cảnh giam giữ của những tù binh. Hầu hết các tư liệu đã được lên kịch bản từ trước. Các tù binh được yêu cầu đọc tài liệu đã chuẩn bị sẵn cho họ, hoặc được nhắc bài riêng với những người không biết đọc. Mặc dù có các yếu tố tự truyện mô tả quê hương và kể lại cuộc sống của họ trước khi bị bắt quân ra các tiền tuyến Châu Âu, thật khó để biết bao nhiêu phần trong đó là

tự phát do người đọc đang bị giám sát bởi những người bắt giữ.¹⁵ Trong trường hợp này, phần lớn kho lưu trữ bị bỏ lại với các bản thu âm bị hỏng và danh tính của những người trong đó một phần bị mất đi.¹⁶ Do kho lưu trữ được hình thành với lý do thuần túy học thuật, những gì diễn ra là một trải nghiệm vô nhân tính, khi giọng nói bị tách ra hoàn toàn khỏi cơ thể và danh tính của người phát ngôn. Sự hiện diện của radio, vốn dĩ dẫn đến sự mở xẻ của ngôn luận và cái hữu hình, là một công cụ tái tạo lại sự biến vị đồng thời tạo ra một vùng đất mới cho vô số giọng nói này.¹⁷

Tuy nhiên, dự án thử nghiệm này chỉ trình bày một vài mẫu chuyện. Như bối cảnh mà từ đó bộ lưu trữ đã được trích ra, chúng ta phải chấp nhận ranh giới của các câu chuyện này. Các nghệ sĩ đã đưa ra quyết định có chủ đích để chọn ra một số, kết hợp thêm những phản tư và diễn giải cá nhân thông qua âm nhạc và kịch bản của họ. Tương tự như vậy, người nghe cũng chọn lựa và bỏ qua trong sự đa dạng về thông tin của một dự án. Trong khi trải nghiệm về thị giác của chúng ta với các tác phẩm nghệ thuật trong phòng trưng bày phần nhiều được định hình bởi ánh sáng và sự bông đùa của nhận thức, thì âm thanh lại có khả năng đi xuyên qua mọi thứ, thấm vào bầu khí quyển không chịu sự can thiệp của ranh giới. Nếu không gian có tầm quan trọng đặc biệt đối với các tác phẩm âm thanh, thì việc

lựa chọn trưng bày tác phẩm tại một nơi trung tính như Sàn Art, với thiết kế khép kín như những hang động, sẽ gia tăng khả năng tạo sự bao trùm phủ của trải nghiệm. Khi âm thanh xâm chiếm các góc ngách không gian, những câu chuyện kể cũng được lọc vào kí ức của chúng ta, chúng dẫn sâu hơn vào cõi tiềm thức.¹⁸

¹⁴ Những thước phim về những cựu binh này đã được đạo diễn Lam Lê ăn cần cho mượn. Phim tài liệu Công Binh, đêm dài Đông Dương của ông phỏng vấn hai mươi cựu lính thợ Việt Nam nhập ngũ sang Pháp vào đêm trước Chiến tranh thế giới thứ Hai để làm việc trong các nhà máy của nước này khi họ chia sẻ kí ức về thực dân Pháp và lao động cưỡng bức. Nguồn: Lam Lê, Công Binh, đêm dài Đông Dương, ADR Productions, Pháp, 2013.

¹⁵ Lange, 'Lưu trữ, Bộ sưu tập, Bảo tàng'.

¹⁶ Mỗi tệp tin số hóa từ Kho lưu trữ đều đi kèm với một chỉ mục được vi tính hóa hoặc bản sao quét của 'tệp tin thu viện' viết tay bao gồm thông tin cá nhân của tù binh. Dữ liệu bao gồm tên của người nói, người giám sát bản ghi, vị trí của trại tù, quê quán, chủng tộc, ngôn ngữ nói, tôn giáo, chủ đề của bản thu âm và những người khác. Một số cũng bao gồm hình thức phiên âm hoặc chú viết được đọc to. Nhưng cũng giống như các tạp chí quân sự ghi lại thông tin trên các bản thảo, phần lớn thông tin không đồng đều hoặc không đầy đủ. Ở những người khác, tờ khai tồn tại nhưng bản thu âm bị thiếu hoặc bị hỏng.

¹⁷ Weiss nói về giọng nói "vất vưởng" trong radio, m thanh thể nghiệm & Radio, tr.4. Lange cũng thảo luận về một ý tưởng tương tự với việc "mở xẻ" âm thanh, âm nhạc và ngôn ngữ trong quá trình ghi âm, trong Lange, 'Lưu trữ, Bộ sưu tập, Bảo tàng'.

¹⁸ J. Gibbons, Nghệ thuật đương đại và trí nhớ. Hình ảnh của Hồi ức và Tưởng nhớ, (London và New York: I.B. Tauris, 2007), tr.49.

Với tư cách khán giả, chúng ta có thể chọn và cô lập, tập trung hay vứt bỏ một số âm thanh nhất định. Cũng như vậy, sự cộng tác nằm giữa người xem và các trích đoạn này: khi chúng ta bảo tồn, chia sẻ hoặc bỏ qua một số câu chuyện nhất định, chúng ta trở thành một phần của bộ lưu trữ mở rộng.¹⁹ Mặc dù không cố ý, Hồi Sóng dường như cũng có các yếu tố của mỹ học quan hệ hoặc các thực hành nghệ thuật kêu gọi sự tham gia từ tập thể.²⁰ Các tác phẩm dựa trên nghiên cứu kích hoạt sự tham gia hoặc hợp tác của khán giả, tạo ra các tình huống giao lưu và kết nối nhằm lấp đầy các khoảng trống của ma trận xã hội. Người xem vừa

trải nghiệm những câu chuyện được bảo tồn, giờ đây còn được thẩm nhàn một hiện tại tái sinh, một ý thức sống và các thú liên quan. Người ta cũng có thể quan sát thấy sự tương tác giữa lập trình và ngẫu nhiên, kiểm soát và tự phát. Ba kênh đã được sắp xếp một cách tỉ mỉ nhưng cách truyền tải của chúng phụ thuộc vào cách khán giả bắt sóng. Cách mỗi bản nhạc phản hồi với nhau hoặc lặp lại có thể không bao giờ xảy ra nữa, trải nghiệm độc đáo được tạo ra bởi và cho khán giả, chứng minh rằng lưu trữ không phải là một thực thể tĩnh mà là một cơ thể sống có thể được tái hiện vô tận bởi những người đã lật lại nó.²¹

¹⁹ J. Salloum, 'sans titre / chưa có tiêu đề: sắp đặt như một kho lưu trữ hiện hành', được xuất bản lại trong C. Merewether (t.b.), *Kho lưu trữ*, (London and Cambridge: Whitechapel and MIT Press, 2006), tr.185-193.

²⁰ Thuật ngữ do giám tuyển người Pháp Nicolas Bourriaud đặt ra để gói gọn một loạt các hoạt động nghệ thuật mới nổi vào cuối những năm 1990, tập trung vào sự hợp tác, tham gia, can thiệp, các thực hành nghiên cứu và các dự án cộng đồng về hình thức và nội dung. Khi các cá nhân trong một xã hội hậu hiện đại cảm thấy xa lạ với nhau, Bourriaud nhận thấy rằng "thông qua các việc làm nhỏ, các nghệ sĩ sẽ lấp đầy các vết nứt trong mối liên kết xã hội". Xem: N. Bourriaud, *Mỹ học quan hệ*, (Paris: Les press du réel, 2002), tr.36; A. Downey, 'Hướng tới một nền chính trị của thẩm mỹ (quan hệ)', *Văn bản thứ ba*, Vol. 21, Số 3, 2007, tr.267-275.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là với thử nghiệm đầu tiên này, Hồi Sóng nhận thức được những điểm mạnh và hạn chế của chính nó. Vừa là một dự án nghệ thuật âm thanh và có sự tham gia từ khán giả, điều đó đòi hỏi rằng tác phẩm nghệ thuật được tạo ra bởi những cuộc gặp gỡ nào, dành cho ai và vì mục đích gì. Âm thanh là mạch cho trải nghiệm chìm đắm thông tin trong khi phương pháp luận về mỹ học quan hệ vừa kích hoạt lại những giọng nói bị lãng quên vừa tạo ra những tiếng nói tập thể mới. Một số thách thức gặp phải bao gồm dữ liệu lưu trữ không đầy đủ, khả năng tiếp cận nguồn tư liệu hoặc tính bất ổn của chính phương tiện này – điều đó có thể ảnh

hưởng đến sự tương tác và hợp tác của khán giả. Quan trọng nhất, dự án đặt ra câu hỏi về cách mỗi chúng ta phản ứng với những câu chuyện truyền miệng bằng âm thanh khi không có kịch bản cầm tay hoặc không hiểu rõ ngôn ngữ. Hơn hết nữa khi mà các nghệ sĩ đã kết hợp các sáng tác của riêng họ, giúp định hình và thay đổi cảm xúc, và sau đó là diễn giải và cảm giác kết nối của chúng ta. Nhưng đây cũng là lúc nghệ thuật cắt ghép các kênh radio phát huy tác dụng: những cuộc gặp gỡ không cần, và cũng không nên, hài hòa, chín chu. Trải nghiệm nghe đài nói chung cũng có lúc này lúc khác, với một lượng lớn âm thanh bị gián đoạn và

trở nên thất vọng khi chúng ta lơ đãng, đột nhiên giật mình, hoàn hồn bởi một giai điệu nhạc pop tời tộ hoặc một đoạn quảng cáo. Hơn cả việc là âm thanh hay nghệ thuật có sự tham gia, Hồi Sóng là một dự án về sự truyền tải – truyền tải về một lịch sử chung, về các tự sự, về những làn sóng âm. Kỹ thuật kết hợp với nội dung, và tất cả tạo thành: lịch sử, xã hội, cá nhân, câu chuyện gia đình, và những cảm xúc. Đó là sự lấp đầy kì diệu của khoảng cách xã hội, hay như Matthew Mullane hùng hồn viết "chất liệu kết nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa đây và đó, và giữa bạn và tôi không phải là vật chất, nó là âm thanh."²²

²¹ Mullane, tr.8.

²² Mullane, tr.9.

Tổng quan về các tư liệu được sử dụng từ Kho lưu trữ âm thanh Trường Đại học Humboldt Berlin.

Trong tác phẩm “Hồi Sóng”, chúng tôi sử dụng tư liệu là một số bản thu từ Kho lưu trữ Âm thanh Trường Đại học Humboldt Berlin (*Humboldt-Universität zu Berlin*), đồng thời tham khảo thêm về bối cảnh của chúng từ các tài liệu đi kèm.

Các bản thu này được thực hiện trong giai đoạn 1915 – 1922 dưới định dạng đĩa hát làm từ sáp (*wax cylinder*). Tới năm 1931, chúng được chuyển giao cho Kho lưu trữ âm thanh Trường Đại học Humboldt Berlin và sau đó được số hóa trong thập niên 1990.

Các hồ sơ này có số hiệu như sau:

1. Số hiệu "PK" bao gồm các bản thu vốn thuộc Hiệp hội Ghi âm Hoàng gia Phổ (Prussian Royal Phonographic Commission), thu âm trong giai đoạn 1915-1918. _____ Cụ thể bao gồm:

Chuỗi bản thu này đều là mẫu nghiên cứu được các ngôn ngữ học như Wilhelm Doegen thực hiện trong các trại tù binh ở Đức. Thông tin trong tờ khai đi kèm có thể thiếu sót và không rõ ràng, ví dụ một số mục trong hồ sơ tù binh bị bỏ trống, hay tên riêng của nhân vật trong cùng một hồ sơ đôi khi không thống nhất với nhau.

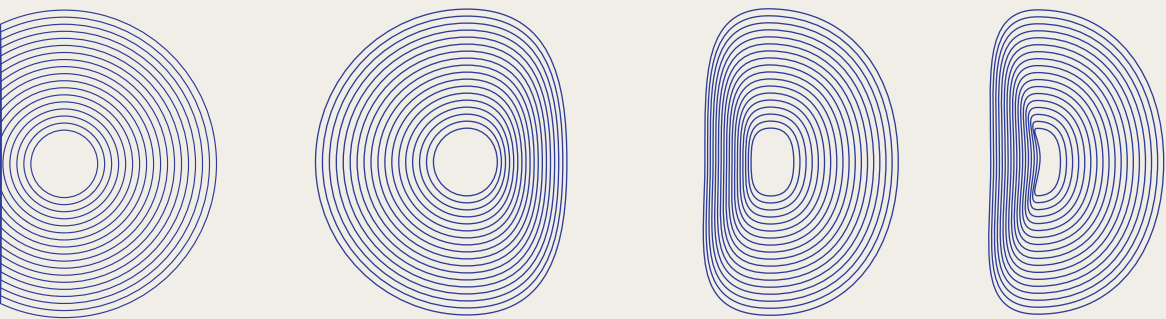
PK 747
PK 1224
PK 1397
PK 1398
PK 1490_1
PK 1646
PK 1647

2. Số hiệu "LA 80", được Phòng âm thanh trực thuộc Thư viện Nhà nước Phổ (tên tiếng Đức: Lautabteilung) thu âm năm 1922.

Trong khả năng có thể, chúng tôi xin cung cấp bản dịch một phần nhỏ các tờ khai đi kèm cũng như giải nghĩa nội dung các bản thu âm.

Xin cảm ơn Trường Đại học Humboldt Berlin đã cho phép chúng tôi tiếp cận kho tư liệu này cũng như đã hỗ trợ quá trình nghiên cứu.

Đọc thêm:
"Kho Lưu trữ âm thanh: Lịch sử và Góc nhìn". Trường Đại học Humboldt Berlin.



Lời dẫn số 1

Tác giả: Nguyễn Nhung

Bạn đang nghe tiếng ngâm thơ của ông Nguyễn Văn Tấu, xuất thân là một nông dân ở Nam Định. Ông bị giam tại trại tù Halbmondlager tại Đức, trong giai đoạn Thế chiến Thứ nhất. Rất có thể, ông là lính chiến đấu cho quân đội Pháp trước khi bị quân Đức bắt làm tù binh.

Halbmondlager là trại giam giữ tù binh da màu (bao gồm cả tù binh người Việt), cách thủ đô Berlin khoảng 55 kilomet về hướng Nam. Nơi đây còn được chính quyền Đức thời bấy giờ dùng như một trại tù tẩy não, nhằm chiêu dụ những người lính da màu chuyển sang chiến đấu cho phe Đức. Người dân sống tại Berlin thời bấy giờ biết khá rõ về việc có những người tù sống cách họ không xa.

Giọng nói của ông Nguyễn Văn Tấu được thu lại vào ngày 19 tháng 7 năm 1918, khi ông 35 tuổi. Đây là một phần nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học và dân tộc học người Đức thời bấy giờ. Họ ghi lại những câu chuyện, bài thơ được những người tù binh da màu kể hoặc hát.

Trong bản thu này, ông Tấu hát một phần tóm tắt và bình luận về tác phẩm "Phan Trần Truyện". Tác phẩm này vốn là truyện thơ Nôm bình dân dài 936 câu, không rõ tác giả.

Một điều thấy rõ ở đây là lời hát của ông không kể về cuộc đời mình, hay than thở về đời sống trong ngục tù. Tất cả những gì cất lên chỉ gói gọn lại trong việc hát lời dẫn về một tác phẩm thơ thân thuộc với người lao động bình dân thời đó.

Nhưng đằng sau nó, có lẽ là bao nhiêu nỗi hoang mang, day dứt: Biết bao giờ mới đến ngày được trả tự do? Biết bao giờ mới được trở về quê nhà? Còn dưới góc độ của những nhà nghiên cứu Đức, đó chỉ đơn thuần là mẫu nghiên cứu, được phân tích rạch ròi dưới góc nhìn ngôn ngữ học.

Tháng 11 năm 1918, Đế quốc Đức sụp đổ. Thế chiến thứ Nhất kết thúc. Không ai thực sự biết những tù binh như ông Nguyễn Văn Tấu phiêu bạt thế nào, sau những biến cố thời cuộc. Chúng ta chỉ có được những dấu vết ít ỏi về sự tồn tại của họ, từ những báo cáo mà những nhà nghiên cứu Đức để lại.

Lời dẫn này có tham khảo từ những nguồn tư liệu sau:

“Hindustan: Một tờ báo tuyên truyền cho tù binh Nam Á tại Đức trong thời kỳ Thế chiến thứ Nhất”, tác giả Anchi Hoh. Trích từ dự án *“Bốn phương thế giới: Các bộ sưu tập và nghiên cứu quốc tế thuộc Thư viện Quốc hội Mỹ”*. Thư viện Quốc hội Mỹ, tháng 3/2019.

“Những tiếng vọng từ Thế chiến: Những bản thu âm tù binh châu Phi trong Thế chiến thứ Nhất”, tác giả Anette Hoffmann. Trích từ tạp chí nghiên cứu Open Arts Journal, số 3, năm 2014.

“Linh Nam Á và học giả người Đức: Các nghiên cứu thực địa về Nhân loại học, Ngôn ngữ học và âm nhạc học tại các trại tù binh”, tác giả Britta Lange. Trích từ quyển: *“Khi chiến tranh bắt đầu / Chúng tôi nghe về một vài vị vua” - Tù binh Nam Á trong Thế chiến thứ Nhất tại Đức*. NXB Khoa học Xã hội Dehli, 2011.

“Thí nghiệm trên Quân đoàn Úc và New Zealand, kích động thánh chiến: Bên trong một trại tù binh không giống ai”, tác giả Tom Murray. Báo ABC News, tháng 8/2017.

“Phan Trần Truyện Trưng Duyệt”. Thư viện Trường Đại học Yale.

“Kho Lưu trữ Âm thanh: Lịch sử và Góc nhìn”. Trường Đại học Humboldt Berlin.

Kho Lưu trữ Âm thanh, hồ sơ PK 1398. Trường Đại học Humboldt Berlin.

– Giải nghĩa tư liệu:

Bản thu âm và chép tay thuộc hồ sơ này được Nguyễn Đình Hưng gỡ băng và dịch nghĩa.

Dưới đây là bản chép lại lời hát thơ của tù binh Nguyễn Văn Tấu, xuất hiện trong bản thu âm lời dẫn bạn vừa nghe. Một phần lời hát thơ cũng xuất hiện trong tác phẩm sắp đặt âm thanh (xem thêm ở mục Tác phẩm trên website này).

Trong lời ngâm thơ này:

1. Hai câu thơ đầu: Chưa rõ nội dung
2. Mười hai câu tiếp theo: Tóm tắt một phần truyện thơ Phan Trần.
3. Năm câu thơ sau đó: Ca ngợi thần thánh tại nơi diễn xướng sáng suốt ban phúc cho nhân dân.
4. Câu thơ cuối cùng: Chưa rõ nội dung.

Toàn bộ lời hát của ông Tấu bao gồm dịch nghĩa như sau:

Nhất thanh đô thị khí
Ngũ phúc lòng tường vân
Tôi xin dẫn Phan Trần hai họ
Nhờn nguyện ước, nhờn nguyện ước thế nào ?
Nhờn nguyện ước đình ninh gần bó
Dẫu ai mà sinh đặng gái giai
Một nghìn năm xin ai chớ quên ai
Ghi tâm (1) quạt nhờn thề non nước
Tới năm sau, tới năm sau thế nào ?
Tới năm sau nước Tề có loạn.
Nường Kiều Vân lánh mặt đi tu
Chàng Phan Sinh tới cảnh thăm cô
Nhác trông thấy hễ nàng tiên hạ giới
Có thơ rằng, có thơ rằng thế nào ?
Có thơ rằng:
Rường cột khen ai khéo dựng lên
Đức tối linh người đương bảo hộ
Dưới mừng già trẻ phú thọ đa
Dân đâu đấy kể [thái] [thường] [vô] [vũ] (2)
Ngồi ngắm [chứ] [ví] huê đèn nhật tình (bây giờ còn) chi đó dãi phiến cùng hoa

Dịch nghĩa:

(1) Chữ này trong văn bản truyện gốc là “trâm”

(2) Các câu thơ này dịch nghĩa như sau:

“Đức thánh linh thiêng đang bảo hộ dân chúng.

Dưới mừng già trẻ được nhiều phúc lành giàu có sống lâu.

Dân được tốt đẹp, không gặp điều bất trắc”

Thông tin cá nhân của tù binh

Mã bản thu: P.K.1398

Trại tù: Wünsdorf (Berlin)

Thời gian thực hiện: 19.07.1918

Thời gian thu: 1 giờ 45 phút

Thời lượng:

Đường kính đĩa: 27 cm

Thu tại buồng số:

Nội dung thu âm: (nói, hát, hợp xướng, nhạc cụ, hòa nhạc): Bài hát: tiếp tục (phần của) 1396. Nói chuyện và hát.

Tên (theo tiếng bản ngữ):

Nguyễn Văn Tấu

Tên (theo ký âm Latin):

Nguyen Van Tau

Tên:

(Van Thao)

Ngày sinh (hoặc số tuổi theo ước chừng): 35 tuổi

Quê quán:

Nam Định, làng Giáo Rục

Thành phố lớn tại quê quán:

Nam Định

Quận huyện – khu phố:

Chủ quản – Chính quyền – Cơ sở:

Nơi cư trú 6 năm đầu đời:

Nơi học tập từ 7 tới 20 tuổi:

Loại hình học vấn:

Lfd. Nr. **PERSONALBOGEN**

Laufliche Aufnahme Nr. **1398** Ort: **Wunsdorf (Berlin)**
 Datum: **19.7.1918**
 Zeitangabe: **1 Uhr 45 Min**

Dauer der Aufnahme: _____ Durchmesser der Platte: **27 cm**
 Raum der Aufnahme: _____

Art der Aufnahme (Sprechaufnahme, Gesangsaufnahme, _____ **Lied: Fortsetzung 1396**
 Choraufnahme, Instrumentenaufnahme, Orchesteraufnahme): **gesprochen u. gesungen**

Annahme

Name (in der Muttersprache geschrieben): _____
 Name (lateinisch geschrieben): **Nguyen Van tau (Nguyễn Văn Tấu)**
 Vorname: **(Van Thao)**
 Wann geboren (oder ungefähres Alter)? **35 Jahre**
 Wo geboren (Heimat)? **aus Nam-dinh, Dorf Gioe Ruc**
 Welche größere Stadt liegt in der Nähe des Geburtsortes? **Nam-dinh**
 Kanton – Kreis (Ujezd): _____
 Departement – Gouvernement (Gubernija) – Grafschaft (County): _____
 Wo gelebt in den ersten 6 Jahren? _____
 Wo gelebt vom 7. bis 20. Lebensjahr? _____
 Was für Schulbildung? _____
 Wo die Schule besuchte? _____
 Wo gelebt vom 20. Lebensjahr? _____
 Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt der Vater? _____
 Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt die Mutter? _____
 Welchen Volksstamm angehörig? _____
 Welche Sprache als Muttersprache? **annamitisch**
 Welche Sprachen spricht er außerdem? **etwas französisch**
 Kann er lesen? **Ja** Welche Sprachen? **annamitisch**
 Kann er schreiben? **Ja** Welche Sprachen? **Quen-Du-Schrikt**
 Spielt er ein im Lager vorhandenes Instrument aus der Heimat? **Ja**
 Singt oder spielt er moderne europäische Musikweisen? **Nein**
 Religion: **Konfuzianer** Beruf: **Bauer**
 Vorgeschlagen von: 1. **P. K. Müller**
 2. **Witt. Doegen**

Beschaffenheit der Stimme: _____

1. Urteil des Fachmannes (des Assistenten): **Auslautende Töne sind ohne Fernschaltung**
 2. Urteil des Kommissars: **ganz, P. K. Müller**
 3. Urteil des Kommissars: **ganz, Witt. Doegen**

Ảnh chụp hồ sơ tù binh PK 1398

Nơi học tập:

Nơi sinh sống trước khi 20 tuổi:

Nguyên quán cha (vui lòng nêu cụ thể):

Nguyên quán mẹ (vui lòng nêu cụ thể):

Thuộc bộ tộc/dân tộc thiểu số nào:

Tiếng mẹ đẻ: Tiếng An Nam (tiếng Việt)

Ngôn ngữ khác: Một ít tiếng Pháp

Tù binh có thể đọc? Có **Ngôn ngữ nào?** Tiếng An Nam (tiếng Việt)

Tù binh có thể viết? Có **Ngôn ngữ nào?** Chữ Hán

Tù binh có sử dụng nhạc cụ dân tộc trong trại hay không? Có

Tù binh có sử dụng/hát nhạc Âu-Mỹ đương thời? Không

Tôn giáo: Nho Giáo

Nghề nghiệp: Nông dân

Giới thiệu từ:

1. F.N.K. Müller
2. Wilh Doegen

1. Nhận xét từ chuyên gia: Các âm không kêu không bật hơi (Tenuis consonant) không đóng - F.N.K. Müller

2. Nhận xét từ bên đặt hàng: Giọng mũi với phụ âm nhẹ. Âm câm ở cuối từ được phát âm không mở miệng - Wilh Doegen

Chất lượng giọng/ bản thu nhạc:

Lfd. Nr. **PERSONALBOGEN**

Lautliche Aufnahme Nr. **PK. 1398** Ort: **Wundorf (Berlin)**
 Datum: **19.7.1918**
 Zeitangabe: **1 Uhr 45 Min**

Dauer der Aufnahme: Durchmesser der Platte: **27 cm**
 Raum der Aufnahme:
 Art der Aufnahme (Sprechaufnahme, Gesangsaufnahme, Lied, Fortsetzung 1898, Choraufnahme, Instrumentenaufnahme, Orchesteraufnahme): **Lied, Fortsetzung 1898, gesprochen u. gesungen**

Name (in der Muttersprache geschrieben): **Nguyen Van Chau (Nguyễn Văn Châu)**
 Name (lateinisch geschrieben): **fran Chau**
 Vorname:
 Wann geboren (oder ungefähres Alter)? **35 Jahre**
 Wo geboren (Heimat)? **aus Nam-dinh, Dorf Gioa Hue**
 Welche größere Stadt liegt in der Nähe des Geburtsortes? **Nam-dinh**
 Kanton - Kreis (Ujezd):
 Departement - Gouvernement (Gubernija) - Grafschaft (County):
 Wo gelebt in den ersten 6 Jahren?
 Wo gelebt vom 7. bis 20. Lebensjahr?
 Was für Schulbildung?
 Wo die Schule besucht?
 Wo gelebt vom 20. Lebensjahr?
 Aus welchem Ort (Ort und Kreis angegeben) stammt der Vater?
 Aus welchem Ort (Ort und Kreis angegeben) stammt die Mutter?
 Welchen Volkstamm angehörig?
 Welche Sprache als Muttersprache? **annamitisch**
 Welche Sprachen spricht er außerdem? **etwa Französisch**
 Kann er lesen? Welche Sprachen? **annamitisch**
 Kann er schreiben? Welche Sprachen? **französisch**
 Spielt er ein im Lager vorhandenes Instrument aus der Heimat?
 Singt oder spielt er moderne europäische Musikweisen?
 Religion: **Konfuzianist** Beruf: **Bauer**
 Vorgeschlagen von: 1. **F. N. K. Müller**
 2. **Wilh. Doegen**

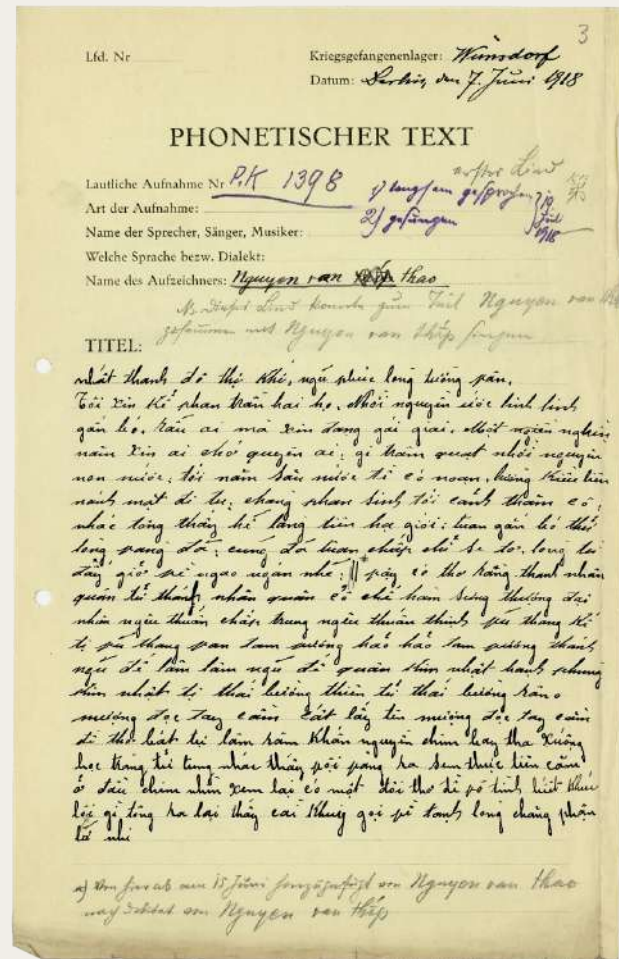
Beschaffenheit der Stimme:
 1. Urteil des Fachmanns (des Assistenten): **Ausfallende Töne sind ohne Form**
 2. Urteil des Kommissars **von** **Doegen**

Ảnh chụp hồ sơ tù binh PK 1398

Ảnh bản chép tay của tù binh

hồ sơ PK 1398

Sáu dòng cuối của bản chép tay này thực ra từ truyện thơ Nôm khuyết danh "Nữ tú tài". Phần còn lại vẫn thuộc truyện thơ Phan Trần.



- Giải nghĩa tư liệu:

Bản thu âm và chép tay thuộc hồ sơ này được Nguyễn Đình Hưng gõ băng và dịch nghĩa.

Trong tác phẩm sắp đặt âm thanh có sử dụng bản ghi âm lời hát thơ của tù binh Nguyễn Văn Tiếp (hoặc Tiệp/Diệp), thuộc hồ sơ PK 1397 trong Kho lưu trữ Âm thanh của Trường Đại học Humboldt Berlin.

Trong bản thu âm, ông Tiệp cũng hát một phần tóm tắt và bình luận về truyện thơ Phan Trần Truyền (như ông Nguyễn Văn Tấu trong hồ sơ PK 1398). Chi tiết như dưới đây:

1. Hai câu thơ đầu: Chưa rõ nội dung
2. Mười hai câu tiếp theo: Tóm tắt một phần truyện thơ Phan Trần.
3. Chín câu thơ cuối: Ca ngợi vua sáng suốt anh minh và xã hội thái bình.

Toàn bộ lời hát của ông Tiệp bao gồm dịch nghĩa như sau:

Nhất thanh đồ thị khí
 Ngũ phước lòng tường vân
 Tôi xin dẫn Phan Trần hai họ
 Nhời nguyên ước đình ninh gấn bó
 Dấu ai mà sinh đặng gái giai
 Một nghìn năm xin ai chớ quên ai
 Giao (1) tâm quạt nhời nguyên non mấy nước
 Tới năm sau nước Tề có loạn.
 Nàng Kiều Liên (2) lánh mặt đi tu
 Chường Phan Sanh tới cảnh thăm cô
 Nhạc trông thấy nghĩ rằng tiên hạ giới
 Toan gấn bó thử lòng vường đá
 [] (3) chấp chỉ xe tơ
 Lòng từ đấy giở về ngao ngán nhẽ.
 Vậy có thơ rằng: (4)
 Thánh nhân quân trị (5) thánh nhân quân
 Cổ chế hàm xưng thượng đại nhân
 Nghiêu Thuấn chấp trung Nghiêu Thuấn thịnh
 Vũ Thang kế trị Vũ Thang văn
 Tam vương hảo hảo tam vương thánh
 Ngũ đế lâm lâm ngũ đế quân
 Kim nhật hiệng phùng kim nhật trị
 Thái bường thiên tử thái bường dân

Dịch nghĩa:

- (1) Trong bản chép tay của tù binh, chữ này là “Ghi”
 (2) Chữ này trong văn bản truyện gốc là “Vân”
 (3) Trong bản chép tay của tù binh, các chữ này là “Cũng đà toan” hoặc “Cũng đã toan”. Tuy nhiên trong bản thu âm, chúng tôi không rõ nội dung các chữ được hát.
 (4) Các câu thơ này dịch nghĩa như sau:

“Các vị quân tử là thánh nhân, các vị vua thánh nhân

Thời xưa đều được ca tụng là bậc “thượng đại nhân”

Vua Nghiêu, vua Thuấn giữ gìn Trung đạo nên thời Nghiêu, Thuấn thịnh trị

Vua Vũ vua Thành Thang nối nhau cai trị nên đời vua Vũ vua Thang tốt đẹp

Ba đời vương (nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu) đều tốt đẹp, ba đời vương đều là thánh nhân

Năm đế (Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn) cai trị dân chúng, năm đế đều là bậc vua hiền

Ngày nay may gặp được thời thịnh trị

Vua tốt lành mà dân cũng tốt lành”

- (5) Trong bản chép tay của tù binh, chữ này là “tử”

Thông tin cá nhân của tù binh

Mã bản thu: P.K.1397

Trại tù: Wünsdorf (Berlin)

Thời gian thực hiện: 19.07.1918

Thời gian thu: 1 giờ 30 phút

Thời lượng:

Đường kính đĩa: 27 cm

Thu tại buồng số:

Nội dung thu âm: (nói, hát, hợp xướng, nhạc cụ, hòa nhạc): Bài hát: tiếp tục (phần của) 1396. Nói chuyện và hát.

Tên (theo tiếng bản ngữ):

Nguyễn Van Diep

Tên (theo ký âm Latin):

Nguyễn Van Diep

Tên:

(Van Tiep)

Ngày sinh (hoặc số tuổi theo ước chừng):

26 tuổi

Quê quán:

Hải Dương

Thành phố lớn tại quê quán:

Quận huyện – khu phố:

Chủ quản – Chính quyền – Cơ sở:

Nơi cư trú 6 năm đầu đời:

Nơi học tập từ 7 tới 20 tuổi:

Loại hình học vấn: Trường Trung Quốc

Lfd. Nr.

PERSONALBOGEN

Lautliche Aufnahme Nr. P. K. 1397 Ort: Wünsdorf (berlin)

Datum: 19.7.1918

Zeitangabe: 1 Uhr 30 Min

Dauer der Aufnahme: _____ Durchmesser der Platte: 27 cm

Raum der Aufnahme: _____

Art der Aufnahme (Sprachaufnahme, Gesangsaufnahme, Chormusik, Instrumentenaufnahme, Orchesteraufnahme): Fortsetzung 1396
gesprochen und gesungen

Anamitisch

Name (in der Muttersprache geschrieben): _____

Name (lateinisch geschrieben): Nguyen van Diep (Nguyễn Văn Diệp)

Vorname: _____

Wann geboren (oder ungefähres Alter)? 26 Jahre

Wo geboren (Heimat)? An rích, Hải Dương

Welche größere Stadt liegt in der Nähe des Geburtsortes?

Kanton – Kreis (Ujezd): _____

Département – Gouvernement (Gubernija) – Grafschaft (County): _____

Wo gelebt in den ersten 6 Jahren?

Wo gelebt vom 7. bis 20. Lebensjahr? _____

Was für Schulbildung? Chinesische Schulbildung

Wo die Schule besucht?

Wo gelebt vom 20. Lebensjahr?

Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt der Vater?

Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt die Mutter?

Welchen Volkstamm angehörig? Annamite

Welche Sprache als Muttersprache? Annamitisch

Welche Sprachen spricht er außerdem? keine andere

Kann er lesen? Ja Welche Sprachen? Annamitisch und

Kann er schreiben? Ja Welche Sprachen? chinesisch

Spielt er ein im Lager vorhandenes Instrument aus der Heimat? Ja

Singt oder spielt er moderne europäische Musikweisen? nein

Religion: Konfuzianist Beruf: Bauer

Vorgeschlagen von: 1. P. v. K. Müller
2. Witt, Doregen

Beschaffenheit der Stimme: 1. Urteil des Fachmanns (des Assistenten) Witt, Doregen
Witt, Doregen
den. P. v. K. Müller

2. Urteil des Kommissars: Weniger starke höhere nasale Stimme mit Nasenschleim-schleimhafter Konsonanz. Die stimmlose nasale Konsonante ph wird nicht geschluckt.
und Witt, Doregen

Nơi học tập:

Nơi sinh sống trước khi 20 tuổi:

Nguyên quán cha (vui lòng nêu cụ thể):

Nguyên quán mẹ (vui lòng nêu cụ thể):

Thuộc bộ tộc/dân tộc thiểu số nào: An Nam

Tiếng mẹ đẻ: Tiếng An Nam (tiếng Việt)

Ngôn ngữ khác: Không

Tù binh có thể đọc? Có **Ngôn ngữ nào?** Tiếng An Nam (tiếng Việt)

Tù binh có thể viết ? Có **Ngôn ngữ nào?** Chữ Hán

Tù binh có sử dụng nhạc cụ dân tộc trong trại hay không? Có

Tù binh có sử dụng/hát nhạc Âu-Mỹ đương thời? Không

Tôn giáo: Nho Giáo

Nghề nghiệp: Nông dân

Giới thiệu từ: 1. F.N.K. Müller
2. Wilh Doegen

1. Nhận xét từ chuyên gia: *Khó phân biệt các âm môi (b + v) do môi dày - F.N.K. Müller*

Chất lượng giọng/ bản thu nhạc: **2. Nhận xét từ bên đặt hàng:** *Giọng mũi ít nặng với phụ âm nhẹ vừa đủ. Âm câm ở cuối từ được phát âm không mở miệng - Wilh Doegen.*

Lfd. Nr. _____

PERSONALBOGEN

Lautliche Aufnahme Nr. P. K. 1897 Ort: Wunsdorf (per Liu)

Datum: 19.7.1936

Zeitangabe: 1 Uhr 20 Min

Dauer der Aufnahme: _____ Durchmesser der Platte: 20 cm

Raum der Aufnahme: _____

Art der Aufnahme (Sprechaufnahme, Gesangsaufnahme, Choralaufnahme, Instrumentenaufnahme, Orchesteraufnahme) Titel: Fortsetzung 1898 gesprochen und gesungen

Anamitisch

Name (in der Muttersprache geschrieben): _____

Nach (lateinisch geschrieben): Nguyen van Diep (g. v. n. van diep)

Vorname: (Van Diep)

Wann geboren (oder ungefähres Alter)? 20 Jahre

Wo geboren (Heimat)? An rich, Hai Hinh

Welche größere Stadt liegt in der Nähe des Geburtsortes?

Kanton - Kreis (Ujesd): _____

Departement - Gouvernement (Gubunija) - Grafschaft (County): _____

Wo gelebt in den ersten 6 Jahren?

Wo gelebt von 7. bis 20. Lebensjahr? _____

Was für Schulbildung? Chinesische Schulbildung

Wo die Schule besucht?

Wo gelebt vors 20. Lebensjahr?

Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt der Vater?

Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt die Mutter?

Welchem Volkstamm angehörig? Annamitisch

Welche Sprache als Muttersprache? Annamitisch

Welche Sprachen spricht er außerdem? keine andere

Kann er lesen? Ja Welche Sprachen? Annamitisch und

Kann er schreiben? Ja Welche Sprachen? chinesisch

Spielt er ein im Lager vorhandenes Instrument aus der Heimat? Ja

Singt oder spielt er moderne europäische Musikweisen? nein

Religion: Christenheit Bekenntnis: Buddh

Vorgeschlagen von: 1. F. N. Müller
2. Wilh. Doegen

Beschaffenheit der Stimme: _____

1. Urteil des Fachmanns (des Assistenten) Ergebnisse (L. u.) wegen seiner dicken Lippen nicht zu beurteilen.
gen. F. N. Müller

2. Urteil des Kommissars: Weniger starke heil-
tere nasallautartige als Nasenschleim-
schleimige Konsonanz. Die atonale Konso-
nantenlaste werden nicht durch die
a. verschluckt gesprochen.
gen. Wilh. Doegen

Lfd. Nr.

Kriegsgefangenenlager:

Datum

頰會 衛益 善本 分 女兒

PHONETISCHER TEXT

願點 颯颯 他 越 亭 場 子 中 聯
寬 會 鑽 罍 貼 是 越 標 頭 點 聰 貼
更 固 沒 准 詩 棍 無 情 別 曲 雷 之 擊 罍 吏 兼 覺 棋

Lautliche Aufnahme Nr.

Art der Aufnahme:

Name der Sprecher, Sänger, Musiker:

Welche Sprache bzw. Dialekt:

Name des Aufzeichners:

歌 讀 細 抄 擇 祀 魁 讀 抄 提 詩 八 字 臨 深 懸

TITEL:

子 太 君 平 民。

一青都是氣五五福悉祥雲碎引番陳紅戶器願約丁寧
喂哂哂埃席生特媽耦沒科物叫埃渚慎埃龍心胸登
願約介洛細輪茹膏固乱娘嬌連別稿遂修抄番生細
量景架姑駝蒙覽怡浪仙下界俊喂哂此悉驢發共
也便拖止車線悉除帝史返米數看重。否古疏浪
聖人君子聖人君。古制成錄稱上大人。堯舜執中
堯舜盛。禹湯繼治禹湯文。三五好三王聖。
五帝臨臨五帝君。今日幸逢今日治。太平天
子太君平民。

15. Juni 1918
Aufgezeichnet von Nguyen Van Thiap

19. Juli 1918
Aufgezeichnet von Phan Tran

P.K. 1397
19. Juli 1918

P.K. 1395
19. Juli 1918

潘陳傳

抄於边尼。胸襟解詔拓研遠翰。美善祀礮攢踰。祀八浩青辛
捕頭祀八浩呂妾捕賊頭。待抄遠暗。侯朱音。炸廠打
搜英抄賊。捷抄緝。固音老界。茶湯。豆。糖。餅。打
臥米逐干炊樓。布功分媽餒餓。

Bản chép tay chữ Hán và chữ Nôm truyện thơ Phan Trần thuộc hồ sơ PK 1397"

Hồ sơ PK 747

– Giải nghĩa tư liệu:

Bản chép tay và thu âm bằng ngôn ngữ Creole được Bruno Bosc gõ băng và dịch nghĩa.

Bản dịch tiếng Việt của phần gõ băng được Hoàng Thùy và Khuong Lê dịch từ tiếng Anh là ngôn ngữ trung gian.

Bản chép tay tiếng Pháp được Nguyễn Diệp Thùy Anh biên dịch, Nguyễn Phương Thảo hiệu đính.

Hồ sơ PK 747 gồm hai bản thu PK 747_2 và PK 747_3 có cùng một nội dung như sau:

“Bạn tôi ơi, nếu có nghe ai đó cất lên lời ca về quê hương, thì cũng đừng ngạc nhiên bởi tôi đây đã chu du khắp thế gian, và nơi nào đặt chân tới, tôi cũng cất lên lời ca tiếng hát về quê hương mình.

Giọng hát uyển chuyển của tôi là niềm hoan hỉ cho mọi người. Tôi khiến không ít người rung động bởi giọng ca tuyệt vời của mình, kì diệu biết bao khi biết dùng lời lẽ hát ca.”

Tới ngày hôm nay, cuộc sống của tôi vẫn êm đềm.”

Chú thích:

1. Lời đọc trong bản thu PK 747_2 và 747_3 không khớp với các bản chép tay mang cùng số hiệu. Thay vào đó, nó khớp với bản chép tay PK 747_7.

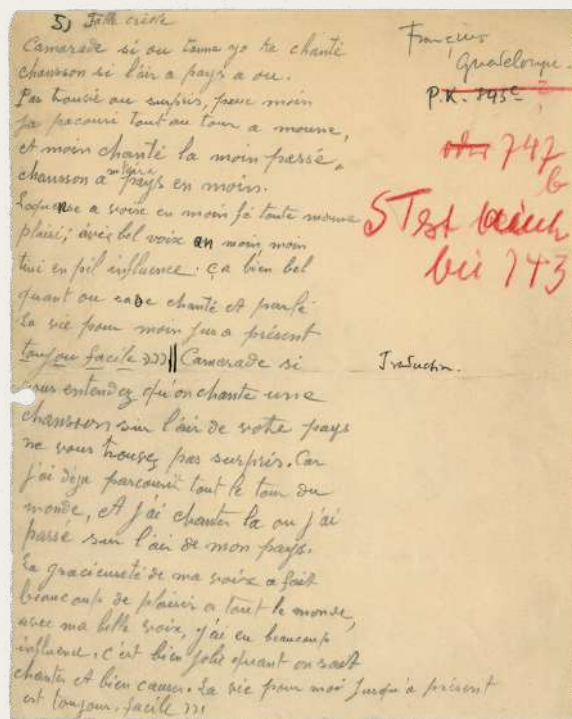
2. Nội dung của hai bản chép tay PK 747_2 và PK 747_3 là truyện ngụ ngôn “Những chú thỏ con không vâng lời”. Hiện chúng tôi không tìm thấy bản thu âm lời kể chuyện này, mặc dù tên truyện được nhắc đến trong hồ sơ tù binh. Nội dung bản chép tay như sau:

“Hai hay ba chú thỏ nhí trốn khỏi hang bắt chấp lời mẹ dặn dò và đe nạt. Chúng dạo chơi xa tít tắp. Chúng chơi đùa dưới nắng rạng, trên thảm cỏ tươi thơm ngát. Còn gì khiến chúng sung sướng hơn thế. Trong khi ấy thỏ mẹ đang bồn chồn lo lắng về những điều không hay có thể xảy ra với chúng. Rốt cuộc thỏ mẹ đi tìm chúng khắp nơi, bởi nếu tên cáo mà thấy chúng thì chắc tiêu đời. Làm sao chúng có thể tránh được con vật gian ác với hàm răng tàn bạo? Lũ con ngoan ngoãn của tôi! Và thế là tên cáo đã gặp đám thỏ con. Hắn nói ngay khi gặp chúng: “Chào buổi sáng các bạn nhỏ. Thật tốt khi các bạn tới đây chơi vào một một ngày đẹp trời như thế này, không thì bụng tôi đói meo mất!”. Vừa dứt lời hắn đã bóp cổ mấy chú thỏ con và ăn thịt chúng. Các bạn nhỏ ơi đừng bao giờ quên lời cha mẹ dặn bởi những kẻ không vâng lời đều sẽ bị trừng phạt cả thôi.”

Ảnh chụp bản chép tay lời đọc của

tù binh - PK 747_7

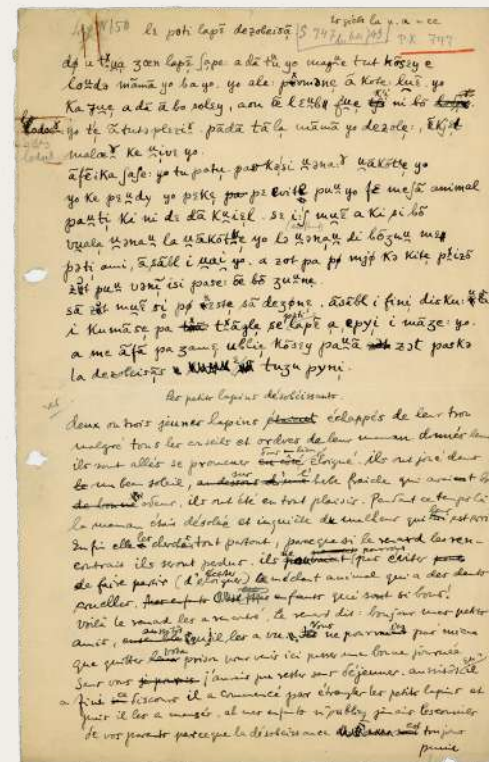
Bản chép tay lời đọc tù binh ở bản thu âm PK 747_2



Ảnh chụp bản chép tay

PK 747_2 của tù binh

Bản chép tay truyện ngụ ngôn “Những chú thỏ con không vâng lời”. Nửa trên ghi cách các âm tiết được phát âm qua hệ thống ngữ âm, nửa dưới viết lại bằng tiếng Pháp.



Thông tin cá nhân của tù binh

Mã bản thu: P.K.747

Trại tù: Münster I

Thời gian thực hiện: 21.03.1917

Thời gian thu: 5 giờ 30 phút

Đường kính đĩa: 27 cm

Thời lượng: 3 phút

Thu tại buồng số: Theaterbaracke (Phòng kế bên)

Nội dung thu âm: (nói, hát, hợp xướng, nhạc cụ, hòa nhạc):

1. Những chú thỏ con không vâng lời 2. Ngụ ngôn Creole Ngôn ngữ Creole

Tên (theo tiếng bản ngữ):

Tên (theo ký âm Latin): 1. Lagier 2. Francius

Tên: Quentin Joseph

Ngày sinh (hoặc số tuổi theo ước chừng): 25 tuổi

Quê quán: thị xã François, Martinique thị xã Basse-Terre, Guadeloupe

Thành phố lớn tại quê quán:

Quận huyện – khu phố: Martinique Guadeloupe

Chủ quản – Chính quyền – Cơ sở: Martinique Guadeloupe

Nơi cư trú 6 năm đầu đời:

Nơi học tập từ 7 tới 20 tuổi:

Loại hình học vấn: tiểu học tiểu học

Lfd. Nr.

PERSONALBOGEN

Lautliche Aufnahme Nr. P. 747 Ort: Münster I
Datum: 21.3.1917
Zeitangabe: 5 Uhr 30 Min
Dauer der Aufnahme: 3 Min. Durchmesser der Platte: 27 cm
Raum der Aufnahme: Theaterbaracke (Theaterbaracke)
Art der Aufnahme (Sprechaufnahme, Gesangsaufnahme, Choraufnahme, Instrumentenaufnahme, Orchestraufnahme): 1. ges. polyh. Lapsus Creole
solitari 5. solitari Creole (Martinique)

Name (in der Muttersprache geschrieben):
Name (lateinisch geschrieben): 1. Lagier 2. Francius
Vorname: Quentin Joseph
Wann geboren (oder ungefähres Alter)? 25 ans 27 ans
Wo geboren (Heimat)? Frangais Martinique Basse-Terre
Welche größere Stadt liegt in der Nähe des Geburtsortes? Martinique Guadeloupe
Kanton – Kreis (Uezd): Martinique Guadeloupe
Departement – Gouvernement (Gubernija) – Grafschaft (County): Martinique Guadeloupe
Wo gelebt in den ersten 6 Jahren? Martinique Guadeloupe
Wo gelebt vom 7. bis 20. Lebensjahr? " " "
Was für Schulbildung? école primaire école primaire
Wo die Schule besucht? Frangais Guadeloupe
Wo gelebt vom 20. Lebensjahr? Martinique " "
Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt der Vater? Martinique Creole Brun
Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt die Mutter? Creole Blanche Blanche
Welchem Volkstamm angehörig? Creole Creole
Welche Sprache als Muttersprache? Creolisch Creolisch
Welche Sprachen spricht er außerdem? Frangais Frangais
Kann er lesen? Ja Ja Welche Sprachen? Frangais, Creolisch, Kreol, Frangais
Kann er schreiben? " " " " " " " " " " " " " " " "
Spielt er ein im Lager vorhandenes Instrument aus der Heimat? Ja Ja
Singt oder spielt er moderne europäische Musikweisen? " " "
Religion: cathol. cathol. Beruf: Fischer pecheur
Vorgeschlagen von: 1. _____
2. _____

Beschaffenheit der Stimme: 1. Urteil des Fachmannes (des Assistenten):
2. Urteil des Kommissars:

Nơi học tập: Francois Guadeloupe

Nơi sinh sống trước khi 20 tuổi: Martinique

Nguyên quán cha (vui lòng nêu cụ thể): người Creole từ Martinique da nâu người Creole da trắng

Nguyên quán mẹ (vui lòng nêu cụ thể): người Creole da trắng người Creole da trắng

Thuộc bộ tộc/dân tộc thiểu số nào: Creole Creole

Tiếng mẹ đẻ: Ngôn ngữ Creole ngôn ngữ Creole

Ngôn ngữ khác: tiếng Pháp tiếng Pháp

Tù binh có thể đọc? Có **Ngôn ngữ nào?** tiếng Pháp, ngôn ngữ Creole

Tù binh có thể viết ? Có **Ngôn ngữ nào?** Ngôn ngữ nào?

Tù binh có sử dụng nhạc cụ dân tộc trong trại hay không? Không

Tù binh có sử dụng/hát nhạc Âu-Mỹ đương thời? Không

Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo

Nghề nghiệp: Đánh cá Họa sĩ

Giới thiệu từ:

1. Nhận xét từ chuyên gia

Chất lượng giọng/ bản thu nhạc

2. Nhận xét từ bên đặt hàng:

Lfd. Nr. _____

PERSONALBOGEN

Lautliche Aufnahme Nr. **P. 747** Ort: **Münster 1**
 Datum: **21.8.1927**
 Zeitangabe: **4 Uhr 30 Min**

Dauer der Aufnahme: **5 Min.** Durchmesser der Platte: **27 cm**
 Raum der Aufnahme: **Theaterbühnen (Hörsaal)**

Art der Aufnahme (Sprachaufnahme, Gesangsaufnahme, Cloupaufnahme, Instrumentenaufnahme, Orchesteraufnahme): **1. Sprache Creole, 2. Solo Creole, 3. Creole (Martinique)**

Name (in der Muttersprache geschrieben): _____
 Name (lateinisch geschrieben): **1. Lepier 2. Francois**
 Vorname: **Guettia Joseph**
 Wann geboren (oder ungefähres Alter)? **28 ans 27 ans**
 Wo geboren (Heimat): **Französisch Martinique** **Marie-Terre**
 Welche größere Stadt liegt in der Nähe des Geburtsortes? **Martinique** **Guadeloupe**
 Kanton — Kreis (Ujezd): _____
 Département — Gouvernement (Gubernija) — Grafschaft (County): **Martinique Guadeloupe**
 Wo gelebt in den ersten 6 Jahren? **Martinique** **Guadeloupe**
 Wo gelebt von 7. bis 20. Lebensjahr? " " "
 Was für Schulbildung? **école primaire** **école primaire**
 Wo die Schule besucht? **Französisch** **Guadeloupe**
 Wo gelebt von 20. Lebensjahr? **Martinique** **St. V.**
 Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt der Vater? **Martinique** **Creole brun**
 Aus welchem Ort (Ort und Kreis angeben) stammt die Mutter? **Creole blanche** **blanche**
 Welchem Volksstamm angehörig? **Creole** **Creole**
 Welche Sprache als Muttersprache? **Creolisch** **Creolisch**
 Welche Sprachen spricht er außerdem? **Französisch** **Französisch**
 Kann er lesen? **Ja Ja** Welche Sprachen? **Französisch, Creolisch** **Creol., Französisch**
 Kann er schreiben? " " Welche Sprachen? " " "
 Spielt er ein im Lager vorhandenes Instrument aus der Heimat? **Non** **Non**
 Singt oder spielt er moderne europäische Musikweisen? " " "
 Religion: **athol., athol., Beruf: Fischer** **peintre**

Vorgeschlagen von: 1. _____
 2. _____

Beschaffenheit der Stimme:
 1. Urteil des Fachmannes (des Assistenten): _____
 2. Urteil des Kommissars: _____

– Giải nghĩa tư liệu:

Bản chép tay tiếng Ả Rập được Vương Thị Thu dịch sang tiếng Việt.

Bản chép tay này cũng được Phòng Âm thanh trực thuộc Thư viện Nhà nước Phổ dịch từ tiếng Ả Rập sang tiếng Đức. Bản dịch Đức-Việt của Nguyễn Quỳnh Chi.

Bản thu âm thực hiện ngày 22 tháng 8 năm 1922, ghi lại phần diễn xuất và hát của năm nhân vật bằng tiếng Ả Rập. Họ diễn lại một kịch bản tự soạn sẵn trong một cửa hàng tại Cairo, Ai Cập.

Thứ tự phân vai của họ như sau:

Nhân vật	Tên	Vai
<i>A</i>	<i>Karim (Muhammed)</i>	<i>Khách hàng 1</i>
<i>B</i>	<i>(Chú Khalil) AsisHomda</i>	<i>Người bán hàng</i>
<i>C</i>	<i>(Bey) Fahmi</i>	<i>Khách hàng 2</i>
<i>D</i>	<i>Rahman Homouda</i>	<i>Khách hàng 3</i>
<i>E</i>	<i>Aziz</i>	<i>Khách hàng 4</i>

Dưới đây là toàn bộ nội dung diễn xuất – những đoạn trong ngoặc đơn cũng là lời nhân vật:

1. A: Trời ơi! Nhanh lên nào chú Khalil!
2. B: Chờ chút nào cháu yêu, mọi người đều phải xếp hàng mà.
3. A: Trời! Cháu đứng đợi này giờ được nửa tiếng rồi đấy!
4. B: Muhammed, cháu yêu, chú thấy cháu vừa mới tới đây thôi mà.
5. A: Thế nghĩa là sao? Cháu thề, cháu đứng đây từ sáng nay rồi!
6. C: Thôi tôi đi đây, lát nữa đừng quên gửi đồ cho tôi nhé, ông Khalil.
7. B: Quên thế nào được ông Bey, khi ông về đến nhà sẽ thấy những gì ông cần nằm sẵn ở đó rồi!
8. C: Tạm biệt!
9. B: Tạm biệt! Allah ban phước lành cho ông! **(1)**
10. A: Chú Khalil, chú Khalil... Tiếp theo đến cháu **(2)**
11. B: Con trai, cầu xin Allah ban cho cháu sự kiên nhẫn của Người! **(3)**
12. A: Cháu kiên nhẫn lắm rồi đấy chú Khalil!
13. B: Thế thì đi đi, chú

không bán cho cháu nữa.
14. A: Cháu đứng đợi cả tiếng đồng hồ, mà chú lại bảo không bán cho cháu nữa.
15. B: Chú phải làm gì với cháu đây, khi cháu cứ đứng đây rồi la hét suốt từ sáng!
16. A: Sợ quá cơ, ông chủ của tôi ạ!
17. B: Ờ... Đứng đấy anh ạ! **(4)**
18. A: Nhà Tiên tri là sức mạnh của chú, nhanh lên chú Khalil!
19. B: Cháu cần gì nào?
20. A: Nửa cân hạt cà phê xay, 1 gói bánh **(5)** Halva **(6)**
21. B: Có ngay. Cháu hát cho mọi người nghe đi. Những thứ cháu cần đều có đủ rồi. Fahma và Aziz, các cháu cũng hát cùng cậu ấy đi. **(7)**

22. A, D, E (cùng hát):

a) Allah ! Xin ngài hãy để chúng tôi tới dòng sông Nile, hãy để chúng tôi đi tới đó. Chúng tôi muốn vui vẻ chơi đùa và tươi cười. Dòng sông Nile ban phước cho chúng tôi, mang lại sung túc, may mắn. Hãy ca ngợi và tán tụng dòng sông này. Tại đây, ông cha chúng ta cũng đã thờ dòng sông (như Chúa).

Hãy để chúng tôi tới dòng Nile, để chúng tôi tới đó. Chúng tôi muốn vui vẻ chơi đùa và tươi cười

*b) Nước sông Nile tốt hơn cả bia, những cơn hưng phấn và cần sa: một món quà được Chúa ban tặng, không phải từ Syren (nguồn gốc của những chùm nho xinh đẹp), không phải "very old"**(8)**, cũng chẳng phải Bokna (tiếng Pháp Cognac)! Hãy để chúng tôi tới dòng sông Nile, hãy để chúng tôi tới đó. Chúng tôi muốn vui vẻ chơi đùa và tươi cười*

c) Hỡi đồng bào của tôi, châu Âu đang ghen tị với mọi người, họ ghen tị vì mọi người có dòng sông Nile.

Dòng sông Nile không bằng lòng bị so sánh với sông Seine, cũng không thể bị so sánh với sông Phoin. Một ngụm nước sông Nile ...

Hãy để chúng tôi tới dòng sông Nile, để chúng tôi tới đó. Chúng tôi muốn vui vẻ chơi đùa và tươi cười

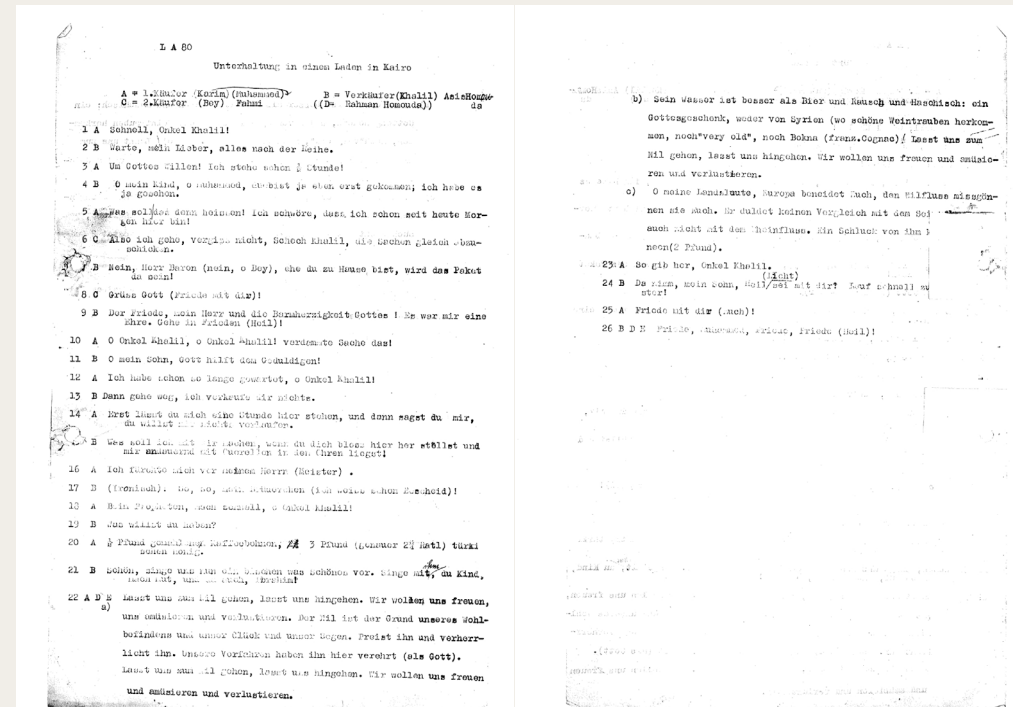
- 23. A:** Vậy giờ chú đưa cho cháu đi, chú Khalil.
24. B: Đây, cầm lấy đi con trai, cháu là ánh sáng của một chú chim ở bên chủ **(9)**
25. A: Cháu chào chú! **(10)**
26. B, D, E: Tạm biệt, Muhammed! **(11)**

Chú thích:

- (1)** Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “Chúc ông điều an lành và lòng thương xót của Chúa! Tôi lấy làm vinh dự. Tôi yên tâm ra về rồi (thật là tốt lành)”
(2) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “Chú Khalil, chú Khalil, bực thế cơ chứ!”
(3) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “ Con trai, Chúa sẽ giúp cháu kiên nhẫn!”
(4) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “Rồi, rồi, cậu trai (tôi đã rõ rồi!)”
(5) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “3 cân (chính xác hơn là 2,75 Ratl) mật ong Thổ Nhĩ Kỳ.”
(6) Halva là một loại đồ ngọt Ai Cập truyền thống.
(7) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “Được rồi, cháu hát gì đó cho chúng tôi nghe đi. Cháu cũng hát cùng cậu ấy đi, đừng cảm lên, cháu cũng thể Ibrahimit.”
(8) Đoạn này vốn là nguyên gốc từ các bản ghi chép bằng tiếng Đức và Ả Rập, chúng tôi không rõ ngữ cảnh để dịch chính xác sang tiếng Việt.
(9) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “Đây, cầm lấy đi con trai, chúc cháu luôn khỏe mạnh! Chạy nhanh tới chỗ ông chủ đi!”
(10) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “Chúc chú (mọi người) ngày an lành!”
(11) Đoạn này trong bản dịch Ả Rập-Đức là: “Ngày bình an (vô sự), Muhammed!”

Bản chép lại lời đọc của các nhân vật

thuộc hồ sơ LA 80



Bản chép tay lời đọc của bốn hoặc năm nhân vật thuộc hồ sơ LA 80 (bằng tiếng Đức, dịch từ tiếng Ả Rập)

Lời dẫn của Zach Sch

*Kịch bản gốc bằng tiếng Anh của Zach Sch được Khương Lê biên tập và biên dịch.
Bản dịch tiếng Pháp của Anh Phi Trần và tiếng Ả Rập của Rami Abadir được sử dụng trong tác phẩm sắp đặt âm thanh.*

Giới thiệu

Trong giai đoạn từ 1822 tới 1961, những người xuất thân từ thuộc địa thực dân Pháp, có khi được gọi là *Troupes coloniales* (*Tạm dịch: Binh lực thuộc địa*), được huy động nhằm tham gia chiến cuộc giữa Pháp với các quốc gia khác.

Tirailleurs (Lính tập trong các tư liệu nghiên cứu, còn gọi là Lính khố đỏ) là cách người Pháp dùng để chỉ “quân đội bản địa từ thuộc địa”. Dẫu chủ yếu gắn với binh lính từ Tây Phi và các binh lực khác như *Tirailleurs Malgaches* (từ đảo Madagascar), *Troupes coloniales* (Binh lực thuộc địa) về sau cũng huy động thêm và thu nạp quân lính từ Đông Dương – ngày nay bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia – tham chiến tại chỗ và ở nước ngoài.

Đọc suốt các thuộc địa dưới quyền kiểm soát của thực dân Pháp tính tới năm 1914, tổng cộng gần 25000 dân bản địa tham gia và trở thành lính gác, dân quân hoặc hiến binh – nhưng vẫn chưa tham gia các công vụ nằm ngoài lãnh thổ được tuyển mộ. Trước thềm Thế chiến thứ nhất, Binh lực thuộc địa bao gồm 42000 lính chính quy (trong đó khoảng 13000 đóng quân ở nước ngoài); cộng với 50000 lực lượng bản địa từ Tây Phi và Đông Dương. Trong quãng từ 1939 tới 1940, ước tính có 20000 người được chuyển từ Đông Dương sang Pháp làm nhân công.

Dẫu trong đa số trường hợp là cưỡng bách, các trải nghiệm cá nhân của lực lượng quân đội này theo thời gian dần được phổ biến, dẫu hẹp, tới nhiều người hơn.

Các bản thu lưu trữ cấu thành một dạng hiện vật phi vật thể về những con người từ Châu Phi tới bán đảo Đông Dương, thông qua hình thái giọng nói của chính họ. Thu thập đa phần từ các trại tù binh ở Đức bắt giữ quân lính tham chiến tại Mặt trận phía Tây và chịu quản thúc, các tư liệu này có chức năng như một cách giúp tô điểm khía cạnh con người dưới tác động của chủ nghĩa thực dân, thuộc địa.

Nghiên cứu về tù nhân chiến tranh Châu Phi và về chính lực lượng quân đội Pháp từ Châu Phi bị hạn chế rất nhiều bởi tình trạng khan hiếm tư liệu. Không như với các tù nhân hay lực lượng Anh Quốc, Pháp hay Đức, các tổ chức viện trợ quốc tế không lưu trữ về các nhóm tù binh này, thậm chí còn hiếm khi gộp họ vào các chương trình tiếp cận giải quyết các đặc thù nhu cầu quân dịch của họ.

Trầm trọng hơn, trong trường hợp lính Tây Phi, họ bị cư xử như tiêu bản nhân chủng học hơn là tù binh chiến tranh. Dẫu hạn chế, trong Thế chiến thứ nhất, tồn tại các nghiên cứu về văn hóa, ngôn ngữ và cả các thử nghiệm y khoa từng được tiến hành lên đối tượng này.

Chưa kể, không ít quân lính Châu Phi còn gặp phải các mức độ kỳ thị từ cộng đồng sau khi hồi hương, cả ở Pháp lẫn chính quê hương của mình.

Trong Thế chiến thứ hai, quân lính Châu Phi tham chiến cho quân Pháp bị hành quyết bởi lực lượng hợp tác giữa Wehrmacht và chính quyền Vichy. Lực lượng Nazi Quốc xã xem việc này là cần thiết nhằm thanh trừng các lực lượng “không cần thiết” trước chiến dịch Barbarossa xâm lược Liên bang Xô Viết.

Kịch bản này tham khảo từ các tư liệu sau:

Alain de Sédouy; Eric Deroo, **“Lịch sử bị bỏ quên: Lực lượng bản xứ Senegal, lính dù Đông Dương, lính mộ Maroc”**: chùm phim tài liệu sản xuất bởi GMT Productions: France 3, 1992

“Lịch sử các thời kỳ Binh lực Thuộc địa, Paris”, Presses Modernes, 1956

“Tinh thần quân lính thuộc địa Pháp tại Mặt trận phía Tây trong Thế chiến thứ Nhất: 1914-1918”, William Dean, 10.5787/38-2-89 – Scientia Militaria – Tạp chí Nghiên cứu quân sự Nam Phi, 2011.

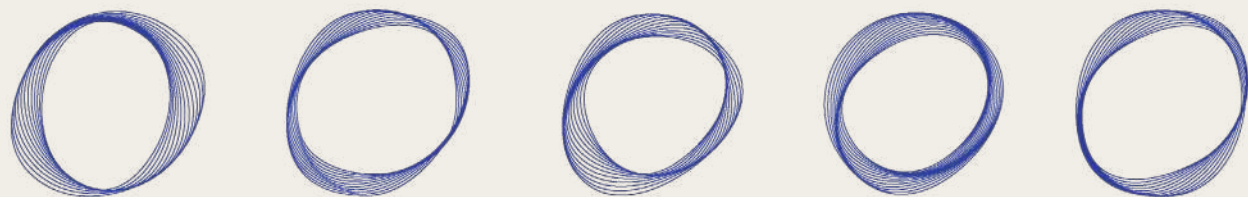
“Linh thuộc địa Pháp bị Đức bắt trong Thế chiến thứ Hai”
2014, tiếng Anh, Raffael Scheck Edition.

Myron Echenberg, **“Bi kịch ở Thiaroye: Khởi nghĩa của lính Senegal năm 1944,”** tác giả Peter Gutkind, Robin Cohen và Jean Copans (cộng sự), Lịch sử Lao động Châu Phi, Beverly Hills, 1978, trang 109-128

“Chiến thắng kiểu Pyrrros: Chiến lược và Hành vận của Pháp trong Đại chiến”
2008, tiếng Anh, tác giả Robert Doughty

Chartrand, René (2018). **“Thủy quân Pháp & Lực lượng thuộc địa 1872-1914”**

“Giữa Thuộc địa và Đại đô thị: Vấn đề hồi hương của lính thợ Việt Nam ở Pháp hậu chiến”, Chizuru Namba, trang 109-132



Lời dẫn số 2

Tác giả: Đỗ Hương & Nguyễn Nhung.

() Tư liệu phỏng vấn được sử dụng trong lời dẫn này từ phim "Công Binh, đêm dài Đông Dương", đạo diễn Lam Lê.*

Từ tháng 11 năm 1939 đến tháng 6 năm 1940, có khoảng 20.000 nhân công từ Đông Dương (bao gồm Việt Nam, Lào, Campuchia) đã đến Pháp. Họ được gọi là lính thợ hay lính không chuyên (tức O.N.S - ouvrier non spécialisé). Trong khuôn khổ lời dẫn này, chúng tôi bàn thêm đến ký ức của một số lính thợ Việt Nam, khi họ hồi tưởng lại về thời gian sống và lao động dưới chế độ thuộc địa.

Nói riêng về số lính thợ Việt Nam: phần lớn được tuyển từ các vùng nông thôn ở Bắc kỳ và Trung kỳ. Trong số đó, đa số là nông dân bị cưỡng ép tuyển. Số còn lại là tự nguyện sang Pháp với mục tiêu đổi đời. Những người tình nguyện - họ đến từ những gia đình khá giả, có địa vị và sau này thường được làm thông ngôn hoặc quản thợ.

Trong những câu chuyện về cuộc hành trình sang Pháp của những người lính thợ, một nhân chứng kể lại sự việc như sau:

“Trong cái hầm tàu mà tôi đi thì có 2500. Không có không khí. Vì thế có một người thò cổ ra đó để hít không khí. Thì lúc tàu kéo neo lên thì cái anh ấy bị cắt cổ.”

Sau vài tuần vượt biển, số nhân công cập bến Marseille đã bị chuyển ngay vào trại tù Baumettes. Vào thời điểm đó, trại tù còn chưa xây xong, bên ngoài có hàng rào thép gai và lính gác. Điều kiện sống khắc nghiệt, lạnh lẽo ở đây là nguyên nhân của việc nhiều lính thợ đổ bệnh vào những tháng mùa đông đầu năm 1940.

Các lính thợ chịu sự quản lý của Sở Nhân công Bản địa, Bắc Phi và Thuộc địa (hay còn được gọi là MOI - Service de la Main - d'œuvre indigène, nord-africaine et coloniale"). Các doanh nghiệp tư nhân hay các cơ quan nhà nước ở Pháp thời bấy giờ đều có thể sử dụng nhân công thuộc địa thông qua việc ký kết hợp đồng với MOI. Tuy nhiên, phía lính thợ không được biết về điều khoản của các hợp đồng này. Số tiền MOI trả cho nhân công, sau khi trừ đi chi phí sinh hoạt, là một khoản bèo bọt. Tính ra chỉ là 1 franc một ngày. Số này quy ra chỉ mua được bánh xà phòng hay cái bàn chải.

“Chúng tôi làm việc với 5000 phụ nữ. Làm với 5000 phụ nữ Pháp bởi vì là những người mà chồng đi lính, chồng đi mặt trận, hoặc là bị tù ở bên Đức.”

Đến tháng 6/1940, đa phần lính thợ phục vụ trong các ngành công nghiệp quốc phòng: 70% số họ làm việc trong các nhà máy thuốc súng - một môi trường lao động vô cùng độc hại. Giai đoạn 1941-1942, 15% trong số họ chuyển qua làm muối hoặc trồng lúa. Khoảng 30% chuyển qua làm gỗ hoặc khai thác than. Đến giai đoạn 1942-1944, khi chính quyền Pháp đầu hàng Phát xít Đức, họ lại được chuyển về làm trong các nhà máy dưới sự giám sát của quân Phát xít.

Bệnh tật, công việc nặng nhọc và nguy hiểm, điều kiện ăn ở thiếu thốn và tâm lý u uất của những người lính thợ nhớ nhà dẫn đến cái chết của 1061 người trong số họ vào giai đoạn Thế chiến thứ Hai. Theo thống kê của MOI, số này chiếm khoảng 7% số lính thợ Đông Dương tại Pháp thời bấy giờ.

Trong tâm trí của nhiều lính thợ Việt Nam, những kí ức về cái đói vẫn còn vẹn nguyên khi họ hồi tưởng lại:

“Chúng tôi chính ra nếu cái phần của nó phát cho chúng tôi một tuần thì chúng tôi ăn hai ngày là đủ.”

“Sau mùa hè xong rồi đi vào mùa đông là đói lắm. Thế cái bụng mà đói thì bắt cái con gà của người ta, hoặc là bắt con cừu, hoặc ra ra đồng lấy lúa. Rồi thì mình lấy cái chăn thôi, đập đập rồi đưa về. Đưa về rồi dần cho thành lúa mì rồi thì cho vào nấu thôi.”

“Hai bên đường nó rờng với cái cây Topinambour gì đấy như củ rong đao của mình ấy. Thế là anh em là vào bới tuyết ra để mà đồ lên mà ăn.”

“Gạo bắt đầu cạn. Kho bắt đầu không có gạo ở Đông Dương tới nữa để mà chuyển đi các vùng có người Công Binh. Trước thì được 300 gram một ngày thì sau đó tụt xuống còn 150 gram.”

“Anh em đói, đêm đi lần lấy các thùng rác đập lấy ống xương bò để mà mút lấy cái tủy.”

...hay cả về bệnh tật không được cứu chữa tử tế:

“Ốm mà đưa về nằm ở nhà thương Le Dantec. Cái bệnh viện đấy cho người Việt Nam đấy. Bác sĩ, tôi kể, đồ ăn đồ uống nó lấy hết, rồi nó tham lam, từ thuốc thang gì nó bán ra ngoài.”

Riêng năm 1941, có 5000 lính thợ Đông Dương hồi hương. Việc này gặp nhiều khó khăn do chiến tranh. Vậy nên các chuyến hồi hương chính thức cuối cùng của một số lính thợ diễn ra vào tận năm 1952. Số ở lại Pháp (khoảng 1000 người) hòa nhập với đời sống bản địa thông qua việc được dạy nghề và kết hôn với phụ nữ Pháp.

Số lính thợ hồi hương chịu nhiều thiệt thòi hơn, vì hai lý do. Thứ nhất: Vấn đề tiền bồi thường cho họ chưa bao giờ được giải quyết thỏa đáng. Vào những năm 1989-1990, đã có những kiến nghị từ 500 đến 600 lính thợ Việt Nam lên chính phủ Pháp về vấn đề này nhưng không được chấp thuận. Thứ hai, họ gặp khó khăn khi hòa nhập với đời sống quê nhà. Nhiều người trở về quê và phát hiện ra người thân, nhà cửa cũng không còn. Mặc cảm về quãng thời gian từng lao động cho chế độ thuộc địa khiến một số người che giấu về thân phận trước đây của mình, kể cả với con cháu trong gia đình.

Những người lính thợ Đông Dương là nạn nhân của sự bóc lột và bất công từ chế độ thuộc địa. Những năm gần đây, thân phận lênh đênh và chịu nhiều khổ cực của họ được nhắc đến nhiều trong các công trình nghiên cứu của các nhà sử học tại Pháp. Tuy nhiên, đây vẫn là điểm mù trong lịch sử chính thống ở Việt Nam, cũng như vấn đề tiền đền bù cho những người lính thợ không được truyền thông ở Pháp đề cập.

Lời dẫn này có tham khảo từ những nguồn tư liệu sau:

“Lính thợ Đông Dương” : Những người lính thầm lặng tại Pháp trong Thế Chiến II.

Phỏng vấn nhà sử học Liêm-Khê Luguern, Đài RFI tiếng Việt thực hiện, 2021.

“Liệu “công nhân Đông Dương” có đúng là những người Đông Dương làm công nhân?”,

tác giả Liêm-Khê Luguern. Trích từ tuyển tập Ký ức về những cuộc di cư - Thời gian trong lịch sử, chủ biên Laure Teulière, Hélène Bertheleu, Marianne Amar, NXB Đại học François-Rabelais (Presses universitaires François-Rabelais), 2015.

“Không phải dân cũng chẳng phải lính: những công nhân Đông Dương vô danh trong Thế chiến thứ Hai”,

tác giả Liêm-Khê Luguern. Trích từ tạp chí nghiên cứu Le Mouvement Social, số 219-220, tháng 2-3/2007, trang 185-199.

“Lính thợ Đông Dương - Lao động cưỡng bức”,

tác giả Nguyễn Thụy Phương. Trích từ tạp chí Xưa & Nay, số 345, tháng 12/2009, trang 10-14.

“Lính thợ Đông Dương ở Pháp trong Thế chiến thứ hai (1939-1953) qua tài liệu lưu trữ của Bộ Thuộc địa tại Lưu trữ Quốc gia hải ngoại Pháp”,

tác giả Olivia Pelletier, Hội thảo khoa học quốc tế “Hồi ức, ký ức, tài liệu lưu trữ về Việt Nam - giá trị nhân văn nhìn từ nhiều phía”, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, 24/10/2019, Hà Nội. Bản dịch tiếng Việt của TS. Đào Thị Diễm.

Phim “Công Binh - đêm dài Đông Dương”, đạo diễn Lam Lê, 2013.

